

Năm thứ hai. - Số 81

Thứ tư

14 Janvier 1942

trilân

tạp chí văn-hóa ra hằng tuần

知 新 雜 誌

TRONG SỔ NÀY :

Những ông nghề triều Lê (VII)	Nguyễn-Văn-Tổ
Thận-trọng đối với tiền-nhân	Tảo-Trang
Tài-liệu để đính-chính những bài văn cổ (XII)	Ứng-Hoè
Am-Tiên (du-ký)	Hoàng-Minh
Bức thư dụ Lưu Vinh-Phúc về hàng	Biệt-Lam Trần Huy-Bá
Tả-quân Duyệt phải chăng là người Bắc-kỳ ?	Tiên-Đàm
Phi-luật-tân	Nhật-Nham
Lý Chiêu-hoàng (IV)	Phan Khắc-Khoan
Một cuộc rằm thơ và họa dân	Phạm Mạnh-Phan
Thoát cung vua Mạc (VII)	Chu-Thiên
Một số những nhà 'học thức ta xưa không phải không có óc phê-phán	Hoa-Bằng
Việt-Nam văn-học sử (XVIII)	H. B.

GIÁ BÁO:

Mỗi số
15 xu

1 năm 6\$80

6 tháng 3.50

3 tháng 1.80

REVUE
CULTURELLE HEBDOMADAIRE

185, RUE DU COTON, 185

HANOI

SỔ XUÂN TRI-TÂN

(NHÂM-NGỌ, 1942)



Chừng đến ngoài 20 tháng chạp ta, các bạn đọc thân yêu quý mến sẽ nhận được sổ Xuân Tri-Tân với bao cái ngạc-nhiên...

Ngạc-nhiên vì tấm bìa là một bức tranh rất đẹp, và nội-dung có mấy chục bức vẽ, do họa-sĩ Trịnh-Vân trình-bày;

Ngạc-nhiên vì ngòi bút khảo-cứu về Xuân rất công-phu của nhà học-giả Ứng-Hồ Nguyễn văn-Tổ;

Ngạc-nhiên vì những bài về lịch-sử và văn học có dính-líu đến xuân do những cây viết đứng-đắn đã sưu-tầm được.

Ngạc-nhiên vì những thiên truyện ngắn có hứng-thú, thơ-ca đầy hùng-tráng, bài âm-nhạc đượm vui tươi...

Ngoài ra còn có nhiều bài tỏ được những đặc-tính của tờ Tri-Tân.

Các đại-lý nhận bán bao nhiêu, xin viết thư về cho Tòa báo biết trước.

TRI-TÂN

Trở lại vấn-đề phê-bình văn-học**Một số những nhà học-thức ta xưa không phải không có óc phê-phán**

HOA - BẢNG

TRONG bài « Phê-bình văn học » ở Tri-Tân số 28, tôi đã nói lớn : « Người mình không phải là không có óc phê-bình. Mà nghề phê-bình không phải không chớm nảy từ sớm. »

Nhưng dưới đó tôi thêm : « Tiếc rằng, về sau, vì lối học khoa-cử làm cho nghệt-ngồi, nên nó chưa có dịp bùng phát-đạt lên được. »

Xin nhớ : tôi chỉ đề tội cho lối học khoa cử chứ không phải nói hết thảy các cụ nhà nho ta xưa không có óc phê bình đâu.

Phải, trong đám cấp sách đi học, ta nên chia làm hai phái người : một phái chỉ có học mà không có thức ; một phái có học lại kiêm cả thức, nên gặp việc biết phán-đoán, không chịu nhầm mất nô-lê cổ nhân. Phái này mới đáng gọi là chân nho, là quân tử nho, là người có sở-đắc ở Khổng phủ-tử. Vì chính Khổng phu-tử cũng là một nhà phê bình văn học của nước Tàu xưa.

Ngài có phê-bình như đã dẫn trong sách Mạnh-tử hai đoạn sau đây :

Thi vân : « Đại thiên chi vị âm vũ, triệt bỉ tang đồ, trừ mầu giũng hồ. Kim nhữ hạ dân, hoặc cảm vũ dư ? » Khổng-tử viết : « Vi thử thi giả kỳ tri đạo hồ ? Năng trị kỳ quốc gia, thù cảm vũ chi ? »

Nghĩa :

Kinh Thi rằng : « Kịp khi trời chưa mưa dầm, đi lấy rễ dâu kia ràng rịt cửa tồ. Từ nay những người hạ dân ai dám khinh ta nữa ? » Đức Khổng-tử nói : « Người làm thơ này chẳng cũng biết đạo đấy ư ? Biết sửa-trị được nước nhà thì ai còn dám khinh ư. »

Và :

Thi viết : « Thiên sinh trưng dân, hữu vật, hữu tặc. Dân chi bình di, hiếu thị ý đức. » Khổng

tử viết : « Vi thử thi kỳ tri đạo hồ ? Hữu vật tất hữu tặc. Dân chi bình di dã, cổ hiếu thị ý đức. »

Nghĩa :

Kinh Thi rằng : « Trời sinh ra dân có sự vật thì có pháp tắc. Dân giữ đạo thường, nên ưa đức tốt ấy. » Đức Khổng-tử nói : « Người làm thơ này chẳng cũng biết đạo đấy ư ? Có sự vật thì có pháp tắc. Dân giữ đạo thường, nên ưa đức tốt ấy. »

Lại như trong Tả truyện có chép một đoạn về việc « Trịnh Tử-Sản hiến tiếp ư Tấn » (Trịnh-Sản nước Trịnh dâng việc thắng trận sang nước Tấn). Trọng Ni nói rằng : « Chi hữu chi, ngôn dĩ túc chi, văn dĩ túc ngôn. Bất ngôn, thù tri kỳ chi ? Ngôn chi vô văn, hành nhi bất viễn. Tấn vi bá, Trịnh nhập Trần : phi văn từ, bất vi công. Thận từ tai ! » (Chi đã có rồi thì lấy lời nói đề tỏ cho chi ý được đầy đủ, dùng văn từ đề tỏ cho lời nói được đầy đủ. Không nói, ai biết được chí mình ? Nói mà không có văn vẻ, thì truyền đi không được xa. Những việc như Tấn làm bá chủ, Trịnh vào Trần nếu không có văn từ đề bày tỏ thì không có công hiệu. Phải cần thận về văn từ lắm thay !)

Cứ mấy điều ấy làm lẽ, đủ thấy Khổng phu tử xưa, đối với văn học, cũng có con mắt phê bình.

Học theo Khổng Mạnh hàng mấy nghìn năm, phần đông các nhà nho ta xưa cứ câu nệ ở những chỗ « thuật nhi bất tác » và « tín nhi hiếu cổ », song không sở đắc ở những điểm tinh tuý của Thánh Hiền : « Chúng hiếu chi, tất sát yén ; chúng ố chi, tất sát yén » và « tận tín thư bất như vô

thư », nên tri phê bình mỗi ngày một mờ tối không phát triển được cái khiếu phê bình cổ hủ của dân tộc Nam-việt như đã thấy trong ca dao :

Khen ai khéo tạc bình phong :
Ngoài long, lân, phượng, trong
lòng gạch, vôi .
Và :

Khen ai khéo đúc chuông chì :
Dang thì có dang, đánh thì không
kêu .

Đừng bi quan với Lông phượng, sừng lân tuy hiếm, nhưng không phải không có trong loài chim muông. Nhưng bậc khác thường, tột với thính thoảng cũng lộ ra trong văn học giới Nam việt, tôi muốn nói đến các ông Lê qui-Đôn, (1) Nguyễn văn-Siêu (2) và Nguyễn trường Tộ (3)...

Viết bộ Văn đài loại ngữ, tác giả Lê - qui - Đôn có tỏ cho ta biết trong ông không phải thiếu óc phê-bình.

Ông chế ý-kiến hẹp hòi của Minh Thành-Đô (1403-1424) rằng : « Minh Thành-Đô sai nho thần biên tập Tứ thư Ngũ kinh đại toàn, mỗi sách chọn lấy lời chú giải của một vài nhà : Mao thì và Tứ thư thì dùng tập truyện của Chu-tử, kinh Dịch, theo truyện của Trình-tử và bản-nghĩa của Chu-tử, kinh Thư, theo truyện của họ Sái, Xuân tịu theo truyện của họ Hồ ; Lễ-ký, theo tập truyện của Trần-Hạo. Nếu lên rất tinh, không thể chế vào đâu được. Nhưng, bỏ hết không dùng những lời sơ, chủ từ đời Tống trở lên, thì cũng hẹp nhĩ ! Ý tôi thì muốn cứ xếp những lời cổ - chủ phụ vào ở dưới tập truyện khiến người xem được biết nguồn gốc để giúp cho sự khảo-cứu. » (Thư tịch).

Chẳng những vậy, ông Lê Quế-Đường còn biết ngờ về bộ Quan-tử nữa : « Tôi ngờ bộ Quan-tử là do người sau làm giả-mạo ra, chứ

không phải là nguyên-thư. Như nói : *Sở-vương* ưa lưng nhỏ mà mỹ-nhân có ăn, *Ngô-vương* thích gươm mà quốc-sĩ coi nhẹ cái chết : thời-đại đều không ăn hợp gì cả. » (Thư-tịch).

Ông Lê lại phê-bình về Liệt-tử và Trang-tử rằng : « Liệt-tử và Trang-tử tức gọi là hạng ở ăn-dật mà nói phóng-khoáng Rốt lại, Liệt-tử thì có thần-vận ; Trang-tử thì có khi-cách. » (Thư-tịch).

Vào khoảng đời Minh-mạng, (1820-1840), ông Nguyễn Văn-Siêu cũng là người biết phê-bình văn-học.

Trong bộ *Phương-Đình* tùy bút lục, là một văn-phẩm do các đệ-tử ông đứng in sau khi ông mất được hơn 10 năm, những nét mực sột lại còn tỏ ra tác-giả *Phương-Đình* có tri sáng suốt trong việc phê-phán.

Cả lẽ :

Ông Nguyễn bác từ thuyết của *Khổng An-Quốc* chia kinh Thư làm sáu « thể » đến thuyết của *Khổng Dĩnh-Đạt* chia kinh Thư làm mười « lệ » : « Thánh-nhân san kinh Thư vẫn giữ lấy những dấu-vết đã qua, khiến cho nghìn năm sau tìm lấy những cơ trị, loạn, hưng, phế để làm gương răn, chứ há lại có « thể » với « lệ » ? Huống chi trải qua ngọn lửa nhà Tần, kinh Thư đã không được trọn đủ ; cứ theo thành thư mà đặt ra « thể » với « lệ », còn chỗ khác không nói được hết, thì có ích gì cho việc học kinh nữa ? » (*Phương-Đình* tùy bút lục, quyển 1, tờ 35b-36a).

Ông lại bẻ *Khổng-Phụ* dẫn lời của *Thánh-nhân* nói về mỗi thiên trong kinh Thư có một cái đáng xem, như ở *Đế-diễn* (hai thiên *Nghiêu-diễn* và *Thuấn-diễn*) có thể xem cái đẹp ; ở *Võ-mô* và *Võ-cống* có thể xem công-việc ; ở *Cao-dao* và *Ich-tắc* có thể xem chính-sự ;

ở *Hồng-phạm* có thể xem pháp-độ ; ở *Thái-thệ* có thể xem nghĩa ; ở *Ngũ-cáo* (năm thiên *Cáo*) có thể xem nhân ; ở *Phủ-hình* có thể xem điều răn. »

Đề bác lại thuyết ấy, ông *Phương-Đình* nói : « Đó không phải là lời của *Khổng-tử*. Hễ bàn-luận về sách cổ mà muốn nêu một lời để bao-trùm lấy tất cả thì ý-nghĩa ấy tất phải giản-dị và rõ-ràng, như *Trình-tử* bảo xem *Nghê-lâu-diễn*, nên biết vua *Nghiêu* trị dân ra sao... đọc *Thuấn-diễn*, nên biết ông *Thuấn* thờ vua ra sao... Như thế mới có ý-nghĩa. Nếu bảo ở *Đế-diễn* có thể xem cái đẹp, thì có dính-lieu gì đâu ? Huống chi lại phân biệt nào xem công-việc, nào xem chính-sự như vậy ? Lời của *Thánh-nhân* quyết không thế. » (*Phương-Đình* tùy bút lục, quyển 1, tờ 36).

Ông *Phương-Đình* lại cho tập-truyện của họ *Sái* là ức-thuyết ở chỗ nói về vua *Thành-vương* ngờ ông *Chu-công* (coi P. Đ. T. B. L. quyển 1 tờ 47b - 49a), cho tập-truyện của *Thu-tử* là có nhiều cái đáng ngờ ở chỗ lồng-luận về *Chunam* và *Thiệu-nam* (coi P. Đ. T. B. L. quyển 1 tờ 58 b - 63 a).

Hơn hết đám nhà nho ở đời *Tự-đức* (1848 - 1883), ông *Nguyễn Trường-Tộ* có con mắt phê-bình rất sáng-suốt. Chính-kiến của ông gồm ở những thiên điều-trần rất có giá-trị tuy không được ứng-dụng ở đương-thời, nhưng đủ làm cho chúng ta nay phải kinh-phục những trác-thức ấy.

Trong thiên *Tế cấp bát điều*, điều thứ tư, ông có nói :

« ... Thơ phú chỉ chau-truốt những lời cho đẹp như mây, nhẹ như gió, sầm-sập như mưa, lờ-mờ như mù, chứ nào có đem ra mà ăn cho khỏi đói được đâu. Kinh-nghĩa đã có những chú-thích của tiền nho rồi, cần gì phải chấp-chánh thêm vào cho rườm rà?.. »

Khi bàn đến việc học, ông phê-bình về lối học viển-vông, không chú-trọng đến thực-tế rằng : « Giá thử người ta dụng công chăm học về hình-luật, tài-chính, kiến-trúc, tâm tang, canh, chức, và những phương-pháp mới ngày nay để thay cho lối học những tên người, tên đất, chính-sự, nghĩa-lý từ đời *Đường*, *Ngu* đến lớp *Tống*, *Nguyễn*, thì cũng có thể làm cho nước nhà trở nên phú cường được. Vậy, trong dân-gian, tại sao không mấy ai chịu đua nhau học lấy những điều thực-dụng đó, song chỉ bàn xuông những việc về đời *Phục-Hi* và *Thần-Nông* ? » (*Tế cấp bát điều*).

Xem tiếp trang 23

1) Lê Quý-Đôn, tự là Doãn-Hậu, hiệu là Quế-Đường, người làng Diên hà, tỉnh Thái-bình, hồi 18 tuổi, đỗ giải-nguyên ; qua năm 1752, niên-hiệu *Cảnh-hung* thứ 13 đời *Lê Hiền Tông*, ông đậu bằng-nhân. Ông có làm được những sách như *Văn-Đài Loại Ngữ*, *Phủ Biên Tạp Lục*, *Kiến Văn Tiểu Lục*, *Thông Sử*, *Quần Thư Khảo Biện*, *Toàn Việt Thi Lục*, *Quế-Đương Thi-Tập*, v.v.

2) Nguyễn Văn Siêu, tự *Tổn-Ban*, hiệu *Phương-Đình*, người làng Kim-lũ, huyện Thanh trì, tỉnh Hà-đông, thụ nghiệp nơi *Phạm Lập-Trai* tiên-sinh ở *Lương-đường*. Ông đỗ cử-nhân năm *Minh-mạng* thứ sáu, 1825 và đậu phó bảng năm *Minh-mạng* thứ mười chín, 1838. Tác phẩm của ông *Phương-Đình* có *Tùy-bút-lục* sáu quyển, *Địa-chí* năm quyển, *Văn-tập* năm quyển, *Thi-tập* bốn quyển.

3) Nguyễn Trường-Tộ, người làng Bùi-chu, tổng Hải-đô, phủ Hưng-nguyên, tỉnh Nghệ-an, sinh năm *Minh-mạng* thứ chín, 1828, mất năm *Tự-đức* thứ hai mươi bốn, 1871. Ông có những tập *Điều-trần* dâng lên vua *Tự-đức* để bày tỏ chính-kiến và bàn việc cải cách quốc-gia. Ngoài ra, ông còn nhiều bài văn thơ rất có giá trị. (Coi thêm cuốn « *Nguyễn Trường-Tộ* » của *Từ-Ngọc*).

Bia Văn-miêu

Những ông nghề triều Lê

Số 7

Ứng-Hoè NGUYỄN-VĂN-TỔ

KHOA kỹ - dân, năm Thuận-thiên thứ hai (1429), ngoài ông Triệu-Thái, Trình-thuấn-Du và Phan-phu-Tiên, quyền *Đặng khoa lục* còn chép tên ông Nguyễn-thiên-Túng, Võ-vĩnh-Trình, Nguyễn-khắc-Hiếu và Trình-Hiến.

Nguyễn-thiên-Túng, tên tự là Ước-phủ, người huyện Đông-ngàn (Đức-giang), làm trợ-giáo ở Quốc - tử - giám, cùng với Nguyễn-thiên-Tích ở Giám-viện (tòa can-ngăn vua), hay nói thẳng. Vua Thái-Tôn (1433-1442) sai xét lại quyền *Địa-dư chí* của ông Nguyễn-Trãi. Trong bộ *Toàn Việt thi lục* của ông Lê-quí-Đôn (quyển 9, tờ 28 b) còn chép lại mười bốn bài thơ chữ của ông Nguyễn-thiên-Túng, có bài nói về giếng nước (*lĩnh*), thả cá (*Phóng-ngư*), áo giấy (*Chỉ-y*), có bài đề là *Xuân-nhật tức-sự* (Ngày xuân tức cảnh), *Tầm-dương văn bạc* (Buổi chiều thuyền đậu bến Tầm-dương), v. v. (chép theo *Đại-Nam nhất thống chí*, Bắc-ninh tỉnh, soạn về đời Tự-đức, sách viết của Bác-cồ, tờ 31 b; *Toàn Việt thi lục*, q-9, tờ 28 b).

Võ-vĩnh-Trình, tên tự là Hựu-chi, người huyện Thiệu-bản (Kiến-hưng), làm quan đến Hàn-lâm-viện đại-học-sĩ, quyền *Lễ-bộ hữu-thị-lang*, kiêm Bí-thư-glâm tri kinh-diên-sự. Khoảng năm Quang - thuận (1460 - 1470) làm tham-tri ở Tuyên-chánh-sứ ty Hải-tây đạo. Có viết bài thơ *Châu-sơn*, *Cổ-pháp lãng*, *Đặng Yên-phụ sơn*, v. v., hiện còn sao trong *Toàn Việt thi lục* (sách viết của Bác-cồ, số A 1262, q 10,

tờ 2 a).

Nguyễn-khắc-Hiếu, tên tự là Thuấn-thần, người Bình-lục (Lý-nhân), làm quan đến Hàn-lâm-viện trực-học-sĩ nhập-thị kinh-diên. Năm Thái-hòa thứ nhất (1443), nhà Minh sai Quang-lộc tự-thiếu-khanh là Tống-Kiệt, Binh-khoa cấp-sự-trung là Tiết-Kiểm sang phong vua Nhân-Tôn (1442-1459) làm « An-nam quốc-vương ». Lúc sứ Tàn về, vua sai Nội-mật-viện chính-trưởng là Trình-Thanh và Hàn-lâm-viện trực-học-sĩ là Nguyễn-khắc-Hiếu sang tạ việc sách-phong (*Khâm-định Việt-sử thông-giám cương-mục*, chính-biên, q. 17, tờ 26 a). Nguyễn - khắc - Hiếu có đề lại bốn bài thơ chữ chép trong *Toàn Việt thi lục* (q. 9, tờ 16 b) : *Tùng-dài*, *Hương-giang dịch*, v. v.

Trình-Hiến, người huyện Cồ - hăng (Thái - nguyên), làm Chuyên-vận-sứ, sau, làm Thị-ngự-sứ. Có viết hai bài thơ đề là *Dạ bạc Hoa-lư hữu cảm* và *Ngự-cư tự-thaật hoài*, còn chép trong *Toàn Việt thi lục* (q. 9, tờ 17 b)

Năm Thuận-thiên thứ tư (1431), vua Lê Thái-Tổ (1418-1433) ngự ở hành-cung Bồ-đề, mở khoa thi « Hoành-từ », ai trúng-tuyển bổ làm ngự-tiền học-sinh (*Cương-mục*, q-15, tờ 28 a). Trong số những ông trúng-tuyển, quyền *Đặng-khoa-lục* chỉ còn chép có năm ông, là Nguyễn Thiên-Tích, Trình-Thanh, Đặng Huệ-Liên, Chu Tam-Tĩnh và Trần-Phong.

Nguyễn Thiên Tích, tên tự là Huyền-Khuê, người Nội-duệ (Tiên-du). Năm Thiệu-bình thứ

nhất (1434), vâng mệnh làm phó-sứ sang nhà Minh, tạ việc sứ Tàn sang tế. Lúc về thẳng ngự-sứ, dự việc giấy má giao thiệp với các nước ngoài. Mùa hè năm Đinh-tị (1437), tâu bặc Tri-từ-tụng là Trình Khắc-Phục, Doanh-giải quân-lĩnh là Lê-Trung về việc ngang trái : vua Thái-Tôn (1433-1442) không xét, Nguyễn Thiên-Tích xin bãi chức. Sau vua lại vời ra. Thiên-Tích lại tâu bặc Lê-Sát chuyên quyền : Sát phải tội. Mùa đông năm Mậu-ngọ (1438) Thiên-Tích sung làm Cống-bộ phó-sứ, thiên làm Hàn-lâm-viện thị-độc. Mùa đông năm Nhâm-tuất (1442) vâng mệnh soạn văn bia lăng Hựu-lăng. Khoảng năm Thái-hòa (1443-1453), vua Nhân-Tôn (1442-1459) cho làm Nội-mật-viện phó-sứ, bị vu cáo mất chức, sau lại được khởi dụng, làm Hàn-lâm tri-chế-cáo. Vua Thánh-Tôn (1460-1497) lên ngôi phong cho làm Binh - bộ thượng-thư, gặp việc gì cứ nói thẳng, không e-lệ. Vua khen rằng : « Họ Vương (Bột) họ Hàn (Dũ) ở đời nhà Đường cũng không hơn ». Sau có việc bị khiển-trách, nhưng rồi lại được phục chức, kiêm Tế-tửu, cai quản trường Quốc - tử - giám. Quyền *Lịch-triều hiến-chương* của ông Phan Huy-Chú (q-7) khen là « người văn học đặc-dụng, tính nết khảng-khái, sau trước không thay đổi, làm quan bốn triều, đều trọng là người có khí-tiết ». Con là Nguyễn-Kim, đỗ tiến-sĩ xuất thân năm Hồng-đức thứ sáu (1475).

(Còn nữa)

Ứng-Hoè NGUYỄN-VĂN-TỔ

Đón coi :

Trả lời ông Nguyễn Tiến-Lãng ở báo « La Patrie Annamite ».

của HOA-BẮNG

Mảnh sử-liệu

Bức thư dụ Lưu Vĩnh-Phúc về hàng (1)

NGÀY mồng 3, tháng 5, năm 1884, sau trận Tuyên-quang, quân Cờ-đen đại bại, tiến thoái lưỡng nan, nhà quân-sự Pháp (2) nhân cơ-hội ấy, có viết cho Lưu Vĩnh-Phúc, tướng giặc Cờ-đen, một bức thư dụ Lưu về hàng. Nay xin tạm dịch ra quốc-văn như sau đây để thêm tài-liệu vào đoạn sử cận-đại.

« Quan Bắc-Kỳ Lại-bộ Thượng-thư, kiêm chương thông quốc chính-sự-vụ nước Đại-Pháp ngỏ nhờ cùng Lưu Đề-đốc, đại tướng quân Cờ-đen, biết rõ : « Đề-đốc chống nhau với nước Đại-Pháp ta, ấy là mệnh giới không thuận cho làm rồi. Sao Đề-đốc không biết thuận vâng mệnh giới như thế ? Nếu Đề-đốc khéo suy-tính, chắc biết rằng muốn bảo-toàn lợi nhơn thì nay còn có nước nào hơn ? Nước Đại-

Pháp ta tuy đánh quân Đề, nhưng cũng tiếc Đề là bậc thông-minh trí dũng, mà quân Đề cũng là quân khỏe-mạnh. Giả Đề quay về với nước Đại-Pháp ta, thời được làm quan đại-thần có danh-vọng, mọi việc cũng được thịnh-lợi. Nếu cứ theo lối trước mà trái nghịch chống cự với nước Đại-Pháp, thì không những mất hết danh chức, mà dù có thiết lập đồn lũy, tìm nơi hiểm-yếu để cố thủ hay là trốn vào rừng núi, lánh về nước Tàu đi nữa, cũng không được nào !

« Bản-chức vốn tiếc người có tài trong thiên-hạ, nên đã bằm quan Nguyên-soái đại thần nước Pháp, cho phép bản-chức dụ Đề về hàng, sẽ cho Đề giữ một quyền lớn, đề xứng-đáng với tài, chứ không phải ban cho tước nhỏ đâu ! Như thế thì quân của Đề và quan quân

nước Pháp sẽ hòa-hiệp với nhau không có điều gì trái-nghịch nhau nữa : thật hay lắm !

« Vậy Đề muốn thế nào, nên giả nhờ cho bản - chức biết, hoặc muốn hãn-chức sai người đem cho giấy thông-hành để khỏi bề trở-ngại, cũng nên có nhờ lại, để Đề được cùng các quan Đại-Pháp cùng thương lượng liệu định việc lớn thì hay lắm.

« Nay nhờ gửi »

Lưu Vĩnh-Phúc, sau khi tiếp được bức thư trên, tuy thế đã cùng, lực đã kiệt, nhưng vẫn còn ngạo-nghe, dám viết một phong thư phúc đáp với một giọng rất kiêu-căng.

Biệt-Lam TRẦN HUY-BÁ

1) Theo sách Việt-sự bị khảo, số 1326 của viện Bác-Cổ.

2) Có lẽ là thư của quan Thống-tướng Millot chăng ?

Chất-ebính cùng các bậc thữe-giả

Tả-quân Duyệt phải chăng là người Bắc-kỳ ?

TRONG Tri-lân số 28, ban Nhật-Nham viết ông Tả-quân Lê-văn-Duyệt là người Nam-kỳ, các sách cũng chép như thế cả.

Vừa rồi, tình cờ tôi được hầu chuyện một cụ lão nho, cụ cho biết rằng, cách đây 30 năm, cụ có lên Vĩnh-giên, được xem di-tích của tổ-tiền ông Tả-quân Lê-văn-Duyệt, miếu thờ và bi ký. Vậy tôi xin cứ nguyên câu chuyện thuật ra sau đây để chất chính cùng các bạn khảo-cứu về lịch-sử :

Ở tỉnh Vĩnh-giên, giáp đường thiên lý thuộc huyện Yên-lạc, có một làng tên là Tê-lỗ (không biết nay đổi là gì) đầu làng có một cái mễ nhỏ, tương truyền là đền thờ nhà quan Tả-quân Lê-văn-Duyệt, bên cạnh có bia, đại-gý trong bia ghi rằng :

Ông tứ-dại nhà ông Tả-quân Duyệt khi trước là một cụ đồ làng, ngồi dạy học ở trong chùa, nhân được ngôi sinh phần thầy tào đề (1)

sinh hạ được một cậu con, lúc bé đi đồng, bị chó ngoài đồng cắn đứt mất ngọc-hành, nhón lên, tính thích chơi chó săn (2) và được dâng vào cung Hậu-Lê làm thái-giám... Sau vì có quân-công, thăng đến chức Tả-quân, thủy-sư đô-thống-chế, tước Viên-tướng hầu (không biết tên là gì). Đến đời ông thân-sinh ra ông Lê-văn-Duyệt (3), nhân vì ông Duyệt can án ngộ sát, nên hai cha con mới trốn vào Nam và nhập-tịch.

Hiện nay ngoài cửa miếu ông Viên-tướng hầu có rất nhiều chó đó. Còn họ Lê, khi hai cha con ông Duyệt bỏ trốn, từ những họ hàng còn ở lại, vì sợ phải tội, đều cải sang họ Bùi.

Lại tương truyền khi vua Gia-long bình định xong Bắc-hà, có sai đắp đường thiên lý ở Vĩnh-giên, qua làng Tê-lỗ, rập đường chính vào ngôi đền mộ nhà ông Tả-quân. Khi ấy, ông

Lê văn Duyệt đang làm tổng trấn Nam kỳ, một sai con nuôi là Lê văn Khôi ra Bắc, ngầm nhờ cái tiền và cầm xa ra hơn hai trăm thước. Bởi vậy, đoạn đường này cong vì phải đắp vòng.

TIỀN-ĐÀM thuật

1) Tục truyền ngôi mộ ấy là kiêu đất « Gia viên âm thủy, vị cực nhân thần ». Nghĩa là con vợ uổng nước, ngôi đến quan cực phẩm. Người tào lại lừa đảo mất một hòn đá ở mộ, nên người nào xuất thân yêm hoạn mới làm nên.

2) Lúc ấy lối chơi chó săn, gà trội rất được ham chuộng trong cung nhà vua và phủ chúa Trịnh.

3) Tục truyền ông Lê văn Duyệt tự hoạn, để giúp vua Gia-long, vì có người thầy tướng nói là con ông về sau sẽ khuynh đảo xã tắc, nên ông muốn tỏ hết lòng trung với vua. Nếu quả câu chuyện có thật, thì những anh thuật số thật là ng- hiểm.

Tài-liệu để định-chính những bài văn cổ số 12

Ưng-hoè NGUYỄN VĂN-TỐ

XXXVII

Chung - tình (1)

A. — Lân-la từ trái khắp miền
này,

Đất sỏi ai ngờ có chạch đây ?
Dệt gấm vẽ rồng ghê-gớm nhĩ,
Phun châu nhả ngọc lạ lùng đời !
Cải-kim ước vẹn duyên nghìn kiếp,
Giăng-gió mang bao nghĩa một
ngày.

Ngọc tốt vàng dòng hai giá ấy,
Góm cho thơm đề thế-gian hay !
B, 1. — Vàng thấy vân-tiên trọng
hậu thay !

Nghĩa này muôn kiếp gió khôn lay !
Bờn-bờ quen thói dầy khuấy bông.
Chỉnh-lúc nghiêm-từ chữa dễ vui,
Ấp ngọc ôm vàng chi dám tưởng ?
Gần hương bên xạ họa là may !
Phong tống Đẳng-vương nhờ trận
gió.

Đây dun hồng-diệp tới cong tay,
B, 2 —. Lá hồng duyên thắm họa
may,

Ắt là khuôn tạo giúp tay thợ giỏi.
Nhẽ đâu dám tiện nhiều nhờ,
Gọi rằng thơ trước trình-bày vớt
sau.

Nôm na vẽ dấu lấy màu,
Đã lòng kỹ-vãng, lại hồng tương-
lai !

B, 3. — Từ thấy tin ong nghĩ
ngán đời !
Ngán rằng sao bông dấm thày-lay !
E vì nghiêm-mật không cho thấu,
Thẹn nỗi lần-khân chột nói ngáy !
Lòng nọ thề kia ấy thực,

Duyên kia chột thấy rằng may !
Chẳng hay tổ định bao giờ tá ?
Không bông sao nên nổi nước này ?

B, 4. — Quan nhậm châu khách
Hoan-châu,
Cầm-bằng mà cũng chẳng nên rầu.
Nay phảng-phất thông tin sứ,

Vò thấu chung-tình nổi nhỏ to.

B, 5. — Chung-tình thấu nổi nhỏ to
Nhẽ mà nên nghĩa Trần Chu một
nhà,

Quan san nào ngại-ngùng xa
Song duyên cạy có giăng già rủ
dun.

(Trích ở Quốc âm thi-ca tạp-lục,
sách viết bằng chữ nôm của
Trương Bắc-cổ, số A B 296.)

XXXVIII

Văn miếu

Bài dẫn, bằng chữ nho dịch
ra quốc văn. Ta nối trị nền
vương, thân coi việc nước, kính
giúp nhà vua, vững yên bờ cõi.
Đem văn-giáo để phấn-sức cuộc
thái-bình, kén nhân tài để cõ vũ
việc trị nước. Bởi nhân-nghĩa lễ-
nhạc, phải có tôn-sư, nên ta xem
xét phép thịnh, có đến nhà Thái-
học, làm lễ bái yết, rất là kính
cần. Sáng sửa như mặt giăng mặt
giời, minh-mông như vực như
sưởi, lòng sốt-sắng hứng-khởi,
này tứ làm thơ, như mưa ngọt
ở ao vàng, mây nổi ở trên không.
Ngâm thành hai bài thất ngôn
Đường-luật và hai bài thơ quốc
âm, để tỏ sự đạo đức công-nghiệp
của thánh-nhân. Tuy thế cũng
chưa dễ thấy cái bờ-bến ở bề
khởi, song cũng đủ rõ cái ý rất
sùng nho trọng đạo, lưu truyền
trên mặt bia đá.

1. — Xem thấy nguy - nga chín
khác vời,
Kính thành khăn - khăn dấm
thường chơi (2)

Qui-mô vũng đặt cao nền đạo,
Lễ nhạc dùng là rộng phép người.
Đức vi giang hà nhuần chốn-chốn,
Công tầy nhật nguyệt sáng đời-đời.

Dốc sinh có đừng làm tiêu-chuẩn,
Ý hậu tư dân tượng ở giới.

2. — Lôn-trọng khôn so biết mấy
vời,

Lầm nhiên nhường ấy há rằng
chơi (3) ?

Vang-vang đường-bệ nghiêm ngôi
thành,

Vòi-vòi uy-nghi hiền đức người,
Minh phệ-ần hằng yên tỉnh-vật,
Tri trung-hòa đã đáng danh đời.
Đành hay lấy dấy gìn tôn-pháp,
Sự sự thi-vi thuận nhẽ giới.

(Trích ở Ngự-đề Thiên-hòa-doanh
bách vịnh thi-tập của Trịnh-Cần,
sách viết bằng chữ nôm của
Trương Bắc - cổ, số A B 544, tờ
6b-8b.)

XXXIX

Ngã ba Hạc

Xinh thay ngã ba Hạc, lạ thay
ngã ba Hạc ! Dòng thắm một
dòng, ngã chia đôi ngã. Ngóc-
ngách khôn đo rộng hẹp, doanh
bích lộn doanh đào ; lênh-làng
dễ biết nông sâu, nước lờ pha
nước bạc.

Nẻo xưa vũ-trụ mở-mang, kiền
khôn xéch-xác ; chân-tình chứa
dầy hải-hà, tú-khi còn ngưng
quang nhạc. Vua Bàn-cổ mở lò
tạo hóa, hồng mông đà lèo đèo
thêm xuân ; họ Hữu-Ngu khỏi

1) Những bài đăng ở số này chưa hề
in ra quốc-ngữ bao giờ. Trên bài Chung
tình có mấy câu dẫn bằng chữ nho, dịch
đại-khải như thế này : « Đem sắc vàng
đi làm quan ở châu xa. Vợ cả ở kinh.
Đi đường không có nội-trợ. Nay gặp một
người tử-tế, tình-nghĩa giao-du. Mặt
giăng lặn trước cửa mảnh, gió thổi
ngoài màn, ngồi làm một bài thơ đề
cùng thương nhớ. » Bài thơ ấy chúng
tôi đánh dấu chữ A. Còn những bài chữ
B là của người đan bà. Trên không có
nhân-đề.

2) Có bản viết là : « Kính thành khăn
khăn dấm lung chơi ».

3) « Lầm nhiên nhường ấy há ngo
chơi ».

mạch sơn xuyên, cương-giới vẫn rành-rành như tạc.

Vậy có dải đất đoài phương, cõi giới Nam - quốc. Trên xô nguồn, nguồn chảy vào vơ; dưới ngấn nước, nước xuôi tuôn-tuột. Ba góc bờ tre vắng-vắng, huyết linh-qui chênh hẻm đá gồ-gồ; một chòm bãi cỏ phơi-phơi, hang anh vũ thấu lòng sông huếch-hoác. Dưới thì tiêu-sái mọi bề, thanh tao nhiều cuộc. Rủ đây dù ông Lã máy cần, trần-trã mặc đũa đồng ngâm nước; bề khách-thương hạ bến, tượng chân qui gối lặc cây sần; thuyền ngư phủ trôi dòng, dang nách khom lưng chèo phơi tuyết.

Trên thì một vẻ một màu, mỗi chiều một khác. Sương gieo ngọn cỏ ngọc đầy đầy, đá dải hơi sương vàng xua-xua. Dùi điềm thùng-thùng trống gọi, điểm tuần-

ti dồn dã khách vào thừa, chầy dấm vắng-vắng chuông nghe; nhà Phật-tự lao xao người đến họp.

Càng quí nữa cảnh sắc nhần nay, phong quang gồm trước. Địa-đồ tự mở chốn doanh-cung, Thiên-hiêm để khoe bề anh-thạc. Trời trôi dài hơi cốc lặn, mênh mang vẫy nước ao thành; vênh-vênh thẳng cánh cò bay, sẵn nước doanh ngân bến Bắc.

Nào hiêm chỉ cảnh chốn tiêu tương, đồ tranh thủy mặc. Nguồn Tào kia cũng nguồn Tào, nước Nhược nọ cũng nước Nhược; ngày tháng trôi đưa thắm-thoắt, khách câu giăng ngời đợi nhiều phen; xưa nay chiều dầy lăm-tăm, cảnh chỉ gió buồm lồng mấy cách.

Nay mừng vận mở tam dương, tộ yên chín vạc. Trên dấu rằng

vén tay nhà Tống, gia sức anh-quyền; dưới cũng vui vô bụng giới Nghiêu, xướng ca canh-tác.

Dầy nhân qua miền Tam-đái, tắt nẻo sông Lô, thấy ngã ba Hạc xinh thay, làm ra một phú, dù hay dở thế nào, xin chờ bói lông tìm vết (1). Ai nghĩ lại mà xem, cũng không kể sẵn trần-gian khoái lạc.

(Trích ở *Ca điệu lược ký*, sách viết bằng chữ nôm của Trương Bắc-cồ, số A B 456, tờ 71 a-72 b).

(Còn nữa)

Ứng-Hòa NGUYỄN-VĂN-TỐ

1) Bản sao của trường Bắc-cồ chép là: « Gợi là một phú, dù hay dở khôn đại, xin chờ bói lông tìm vết »; chúng tôi dịch theo bản nôm của một người bạn, chưa chắc đã đúng nhưng nghe trôi hơn.

Ai cũng phải đón đọc SÁCH TẾT của
QUỐC-HỌC THƯ-XÃ

TRĂM HOA

phê-bình thơ Tết, thơ Xuân của hơn 50 thi-gia Nhật-Bản, Trung-Hoa, Việt-Nam cổ và kim. Sách in toàn giấy dó, bìa mỹ thuật giá đặc-biệt 0 p, 60.

Đầu tháng chạp ta đã có bán.

Viết thư cho M. Lê văn-HÒE giám-đốc
Quốc Học Thư-Xã 16 bis Tiên Tsin Hanoi.

VIỆT-NAM VĂN-HỌC

do NGÔ TẮT-TỐ chủ trương

1.7 Lý triều văn học

2.7 Trần triều văn học I

3.7 Trần triều văn học II

4.7 Lê triều văn học I

5.7 Lê triều văn học II

6.7 Nguyễn triều văn học

Dầy tất cả ngót 2000 trang in làm 2 hạng.

Loại giấy thường bán từ 6 p. 00 trở lên.

Loại đặc biệt — 20 p. 00 trở lên.

thêm cước gửi ngoài

Ngài nào mua toàn bộ trả tiền trước trong tháng janvier 1942 phải trả:

Loại giấy thường 4 p. 00 }
Loại đặc biệt 12 p. 00 } cả tiền cước gửi.

Ngài nào mua toàn bộ trả tiền trước trong tháng Février 1942 phải trả:

Loại giấy thường 5 p. 00 }
Loại đặc biệt 15 p. 00 } cả tiền cước gửi

Ngài nào muốn coi một cuốn đầu xin gửi:

Loại giấy thường 1 p. 00 }
Loại đặc biệt 3 p. 00 } cả tiền cước.

Nhà in Mai-Linh Hanoi xuất-bản

MỘT BUỔI NGÂM THƠ VÀ HỌA ĐÀN

MỘT chiều đông lạnh. Trong một gian phòng nhỏ hẹp với một cảnh trí đơn sơ và thanh đạm, với những bàn ghế thường dùng mà thân mật và với cả một lọ hoa xinh đẹp tươi tốt ở giữa căn phòng, cuộc gặp mặt của vài bạn văn nhân, thi nhân và nhạc gia đã nhóm lên trong một bầu không-khí ấm vui êm dịu.

Mấy bạn gái sẵn lòng hưởng ứng cũng lần lượt tới dự cuộc ngâm thơ và họa đàn. Hai nhạc gia khiêm tốn với vẻ mặt phảng phất như mơ màng, như say đắm đã cùng với cây đàn thân yêu cùng dự cuộc vui.

Nhưng còn thiếu một người? Một nữ thi sĩ mà chúng tôi mong đợi với tất cả tấm lòng thành kính và thân yêu; một tâm hồn đa cảm đã từng lựa văn ghép chữ trước vẻ tung bừng của ngày hè tươi sáng hoặc đã từng nhắc nhở những bầu tâm sự trước ngọn gió heo may hiu hắt.

Đợi mà chẳng thấy. Lòng chúng tôi như đã nao nao thất vọng. Kia tiếng động bên tường, chúng tôi bèn nhìn ra thì chẳng phải bóng người mong đợi mà là bóng một nữ nhạc gia quen biết.

Sau khi thi lễ, chúng tôi an tọa, nhưng vẫn ngóng ngóng chờ mong nhà nữ thi sĩ. Song mong mà chi, đợi mà chi vì nữ thi sĩ, người chúng tôi mong đợi đã cho đem tới một cánh thiệp với mấy vần thơ tuyệt diệu:

« Nắng mới se hồn người bạn cũ,

« Tiệc xuân đôi lấy một chiều vui,

« Nhưng tôi đâu của ngày xuân
rữa,
« Ngả bóng đau thương ở cuối
trời.

« Hồn tàn vương lại một chiều
mơ
« Bạn thấy dư hương tỏa nhạt
mờ,
« Là thấy tôi cười trong bóng lệ;
« Nghiêng mình kính biệt khách
văn thơ ».

Sự thật đã hiển nhiên. Nhà nữ thi sĩ đã khéo tìm lời thoát thác đề lánh cuộc vui.

— Nhưng vì sao?

— Phải chăng nữ văn nhân soi bóng trong gương thấy năm, tháng, ngày, giờ đã in hằn những nét răn trên gò má khi xưa xinh đẹp, và thấy mái tóc mây khi trước đã nhuộm màu hoa râm, nên tự nhủ mình « đâu của ngày xuân nữa » mà từ chối gặp gỡ các văn nhân? Phải chăng lòng thi nhân đã từng phen « đau thương » dào dạt vì những lẽ biến đổi của thế sự thăng trầm, vì những cảnh đơn bạc giả dối của thế nhân lèo lá nên ngán nỗi đời mà những tìm đường tĩnh biệt? Hay gió đông lạnh lẽo đã nhắc nhở trong thâm tâm ai những giờ phút biệt ly, ly biệt, những cảnh đời thay rơi lệ, khiến ai ai ôm bầu tâm sự với mảnh « hồn tàn » mà khóa kín phòng the riêng ôn lại những giờ đây thi vị.

Dẫu sao nữ thi sĩ đã có lời từ tạ thì cuộc vui cũng phải bắt đầu. Một nhạc gia, lựa phẩm xe tơ, liền cho cử tọa nghe những tiếng đàn khi bổng khi chìm, khi mau khi lẹ... Những bản đàn *Chiều thu*, *Ly biệt*, *Tiếng tơ đồng* được lần lượt vỗ tay

nhật liệt hoan nghênh.

Nhất là bản đàn *Tiếng tơ đồng* đã làm cho thỉnh giả nhớ tới bản đàn bất diệt. « *Tiếng tơ đồng chưa dứt* » của một nhạc gia Đức khi xưa đã chinh phục biết bao tâm hồn đa cảm và đã từng khiến bao thiếu nữ mơ màng phải đôi phen rơi lệ.

Nghe bản đàn *Ly biệt*, khách văn chương ngồi trong phòng thấy lòng riêng thắc mắc như sống lại cảnh biệt ly đã làm tê tái cõi lòng xuân.

Cuộc họp mặt đã đầy đủ trong non ba tiếng đồng hồ trước làn khói tỏa của chén trà thơm ấm áp quện mùi bánh ngọt.

Khách tới dự tưởng mình như lạc lõng trong một « sa-lông » của các bà quý phái bên Pháp khi xưa.

Tiếng nói xen lẫn tiếng cười tao nhã về êm dịu của ánh đèn chiếu trong cặp mắt long lanh nhưq nuyến luyến khách văn nhân và như lưu lại giờ chia tay đề hẹn một ngày gặp gỡ...

PHẠM MẠNH-PHAN

Cùng các bạn đọc chưa trả tiền báo

Bản chí xét sô lại thấy còn nhiều bạn đọc suốt từ số 1 đến nay vẫn chưa trả tiền báo cho. Vậy giám mong các ngài kíp mua mandat gửi ngay về để tiện việc sô sách. Đa tạ trước. Kỳ này đã đăng dần tên các vị đọc giả chưa trả tiền ấy.

TRI-TÂN

Văn hành công khí

Thận trọng đôi với tiền nhân

TẢO-IRANG

CÁCH đây hai ba tháng, trên các mặt báo có một bài quảng-cáo nhỏ cho một cuốn sách mới của một nhà xuất bản nọ. Sách nói về một quãng tiền sử rất quái lạ thần bí của Lê-quý-Đôn với một cái tên sách ngộ-nghĩnh «Trạng huyệt». Bực danh nhân ấy, ai là còn không biết tiếng? Mà ai cũng ham biết thêm về cuộc đời hoạt động của ông, mặc dầu người ta đã nói về ông rất nhiều, từ cuốn Nam-hải dị nhân, qua phần chữ hán của bao Nam phong cũ cho đến bài tiểu-sử rất đầy đủ đã đăng trong một tập kỷ-yếu trường Viên-đồng bác cổ, nhân một bài nghiên-cứu về thư mục Việt-nam.

Tôi cũng đã bị trí tò mò kích thích và đã đọc cuốn sách đó ngay từ lúc mới xuất bản. Và tôi đã bị thất vọng. Không phải tôi đã quá tham, cần ở cuốn đó một chút tài liệu gì quý giá xác thực về đời Lê quý-Đôn. Ai còn lạ gì giá trị của một số nhiều tập lịch-sử tiểu-thuyết mà cả lịch sử ký sự xuất bản gần đây. Những tác giả không phải là không có tài, không phải là không có học thức nữa —Nhưng làm việc đã thiếu hẳn phương-pháp. Người ta dám ngờ cả những điều « lịch-sử » đã xảy ra một cách chắc chắn, mà tác giả kể trong sách, chỉ vì rằng bên cạnh những việc có thực đó, còn có biết bao nhiêu chuyện sai lầm, do một trí tưởng tượng không kiểm-chế tạo nên. Nhưng ít ra trong những cuốn sách nói trên, người ta cũng còn trọng

lịch-sự một đôi chút. Không ai có gan chẳng có một bằng cứ gì chắc chắn mà dám đi kể những chuyện trái ngược hẳn những thứ từ trước đến giờ ai cũng biết và cũng công nhận là đúng: thí dụ như khen Tô-định là một vị minh quan nhân đức, hay bắt Lê-Tắc sinh vào đời Hậu Lê.

Tác giả cuốn sách «Trạng huyệt» đã dám như thế! Ông bắt Lê-quý-Đôn phải sinh vào « năm quý tị (1552) đời Lê Thuần-Tôn » (trang 4) Thực ra đời Lê Thuần-Tôn ở mãi thế-kỷ thứ 18. Hơn nữa Lê quý-Đôn sinh dưới đời Lê Dụ-Tôn niên hiệu Bảo thái năm thứ bảy (bính ngọ) so tây lịch thì là năm 1727.

Tác giả gọi ông thân sinh ra Lê quý-Đôn là Lê-quân, (1) tôi tự hỏi người ta có quyền gọi một nhân vật lịch sử như thế không và cho ta biết rằng lúc Lê quý-Đôn còn nhỏ tuổi, « Lê quân » « hay chữ nhà giàu lại rất chăm chỉ về việc buôn bán cây cối ». Và ở đầu truyện, ta thấy hai vợ chồng Lê đó đi « buôn bán » ở chợ về, cho mãi tới khi Lê quý-Đôn đã gần đủ sức đi thi, tác giả mới bảo cho hay một cách mơ hồ rằng « lúc ấy Lê đã đỗ hương cống » (trang 57-58).

Sự thực thì lại khác. Ông thân sinh ra Lê quý-Đôn tên là Lê trọng Thứ (trước là Lê phú-Thứ) đỗ tiến-sĩ năm Bảo-thái thứ 4 (1724) nghĩa là trước khi sinh ra Lê quý-Đôn (2). Ông là một vị đại-thần, sau được phong tước quận-công, có dân đã sống một cuộc đời tầm thường, như nhân

vật trong truyện Trạng huyệt.

Tôi không cần kể những chỗ sai lầm khác đây đây trong cuốn sách, thí dụ như khi tác giả kể trong các tác phẩm Lê quý-Đôn cuốn « Việt nam thông sử » «...Nghệ văn chí » (trang 62) thành ra không cần chỗ đến đời Gia-long ngay từ khoảng hậu Lê đã có tiếng « Việt-nam »! Thực ra đó chỉ là cuốn « Đại việt thông sử » mà cuốn « Nghệ văn chí » của tác giả chỉ là tên một phần của cuốn « Thông sử ». Tôi cũng không cần nói tới những chỗ nhầm lẫn về văn từ (3) cả đến cách hành văn hơi quá bạo đến số sòng đối với một bực danh nhân đời trước. Vì đó là một lối văn riêng của tác giả, và có lẽ tác giả cho rằng thích hợp với cốt truyện cuốn Trạng-huyệt.

Vậy ngoài những thứ tiểu tiết sai lầm đó, cuốn sách cho ta biết gì về đời Lê quý-Đôn? Nó đã cho ta thấy rằng vị học-giả vào bực nhất của nước ta thuở nhỏ chỉ là một cậu bé rất ngu dốt sau nhờ ở lòng nhân đức hữu ái của bố mẹ mà chết đi rồi lại sống lại với một sức thông minh khác thường, vì đã được rửa ruột ở dưới Âm-ty. Người ta sửng sốt trước một câu chuyện táo bạo như thế. Bao nhiêu

ĐÔNG-TÂY THƯ QUÁN

195, phố hàng Bông Hanoi

Đã có bán

Mẹo chữ Hán

một cuốn sách mà ai ai dù đương học chữ Hán hay đã biết thông chữ Hán cũng đều phải xem

Giá 0\$35 cước 0\$06

Các hiệu sách nên viết thư mua ngay kẻo hết

những sử sách cũ, những Khâm định Việt sử, Đăng khoa lục Nam-sử tập-biên, Duyên-hà phả ký đều đã nói sai hết!

Người ta còn có thể cho rằng tác giả đã căn cứ vào ở một câu chuyện khẩu truyền chưa từng chép ở sách nào. Mà chỉ người trong vùng hay người nhà Lê Quý-Đôn mới biết. Cái đó cũng không đúng. Miền Duyên-hà, Phú-hậu (tên làng Lê Quý-Đôn) không có ai nghe nói một chuyện như thế, mặc dầu người ta vẫn chẳng e ngại mà diễm xuyết thêm cho những chuyện về đời Quế-đường tiên sinh thường vẫn nhiễm nhiều vẻ thần kỳ. Và trong một bản « hành trạng » viết bằng chữ Hán còn giữ ở nhà con cháu Lê Quý-Đôn, người ta đọc biết rằng: Lê Quý-Đôn năm lên hai đã biết hai chữ *hữu, vô*; năm lên bốn đọc Đường-thi; lên năm đọc Thi-kinh, Tả-truyện Quốc-ngữ; lên sáu làm thơ văn; lên bảy học sử, và lên tám lên chín đã làm phú, lục, nghĩa là có thể đi thi được.

Cả đến đoạn mượn sách của Lương Tương-công (?), đoạn Lê Quý-Đôn vì không đỗ trạng mà buồn bực ngao-du sơn-thủy (tr. 62) (4) đều là những chuyện mơ

hồ không có thực, và nhiều lúc người ta tưởng như là những chuyện vu cáo cho cớ nhân!

Tóm lại cuốn Trạng hột đã làm cho mọi người bất mãn. Càng bất mãn hơn nữa vì người ta đâm ra ngờ tất cả những tác phẩm của nhà xuất bản và của tác giả cuốn sách đó. Trước cuốn Trạng hột, Văn đoàn Bảo ngọc có xuất bản cuốn « Nguyễn Thượng Hiền », và ô. Nguyễn nam Thông có viết cuốn « Tú Xuất » (do nhà in Tân dân xuất bản). Nếu không có cuốn Trạng hột này, ta có thể cho rằng những cuốn trên có thể cùng một đôi chút tài liệu cho phần « giả sử » hiện vẫn còn trong địa hạt khẩu truyền. Đến bây giờ, người ta bắt buộc phải nghi ngờ đến cái tính cách xác thực của những mầu đời của nhà danh sĩ Nguyễn Thượng Hiền cùng của tay ăn chơi có tiếng lúc cận thời như Tú Xuất.

Đó thật là một việc đáng buồn nhất là khi ta nghĩ rằng, trong cuốn sách nhỏ đó, không những người ta đã bôi nhọ sự thực, hơn nữa người ta đã bôi nhọ một đấng tiên nhân. Mà bực tiền bối đó là ai? là một vị học giả mà công trình trước tác đã làm vinh dự cho nền học thuật nước

nhà.

Cốt truyện của ông Nguyễn nam Thông, mặc dầu hình như phỏng theo một chuyện trong Liêu-trai, không phải là thiếu ý nghĩa và hứng thú. Làm sao ông lại không viết một chuyện thường, coi như một chuyện cổ tích, mà lại dùng nó diễm xuyết một cách vô lý — gần như vô lễ — vào đời Lê Quý-Đôn?

Chúng ta nên thận trọng đôi chút đối với những người xưa. Khi nào người ta bắt chước cười cợt ngạo nghễ đối với cả các bậc đàn anh đáng kính, ấy là người ta đã đi gần đến cuộc suy bại.

TẢO TRANG

1. — Mãi đến trang 60, trong một lời chú, tác giả mới cho ta biết rằng « Lê — Ông thân sinh ra Lê Quý-Đôn — tên là Lê Trọng-Thứ.

2. — Xem Đăng khoa lục. Va Gaspar. done. Bibliographie annamite kỷ yếu trường Viễn-đông bác cổ 1934, trang 18.

3. — Thí dụ trang 30: cười nói *lugén thugén*; trang 62: vua Lê Thánh-Tôn niên hiệu Hồng-đức...

4. — Lê Quý-Đôn vừa đỗ xong vào làm ở tòa Hàn-lâm ngay.

Cải chính

Về bài « Thử tài » trong mục « Giai thoại trên đàn văn » ở T. 7, số 29, thuật giả chỉ theo truyền thuyết mà thuật ra làm một câu chuyện mua vui để hiến các bạn đọc, theo như tên cái mục ấy đã mang.

Sau khi bài đó đã ra, ông T. Q. P., giáo sư trường « Thuận hóa », có gửi thư ra nói chuyện với giáo sư Đ. T. M. là bạn thân của bản chí rằng chuyện câu đối ấy là xuất xứ ở tiểu thuyết tầu « Bình sơn lãnh yếu », chứ không phải chuyện cụ Phạm Sư Mạnh. Giáo sư Đ. T. M. liền cho biết rằng: Về ra là của Đâu quốc Nhất, về đối là của Sơn Đại trong tầu thuyết nói trên.

Vậy bản chí xin vui lòng cải chính và thật tình cảm tạ hai bạn đã yêu mà chỉ giúp cho như thế.

T. T.

Có người thích thơ mới. Có người ghét thơ mới.

Thích hay ghét đều phải biết thơ mới.

Hầu hết những bài thơ mới hay và những điều cần biết về phong-trào thơ mới và các nhà thơ mới (có ảnh và tiểu-sử các thi-sĩ)

Đều có trong quyển

THI-NHÂN VIỆT-NAM

(1932-1941)

HOÀI-THANH và HOÀI-CHÂN soạn

Sách dày 410 trang, in ảnh 36 thi-sĩ, giá 3\$00

Hỏi các hàng sách hay viết thư cho:

Mr NGUYỄN-ĐỨC-PHIÊN, Boite postale 34 Huế

XỨNG-dáng với cái tên là « *vên ngọc mã-lão của Phật* » (Phật Mã), vua Lý Thái - Tông có lòng từ-bi, đặt luật bảo-hộ cho hạng dân - đinh (hoàng - nam) (1) : Cấm không ai được mua bán họ làm nô-lệ. Lòng bồ tát đó chẳng khác ông Lincoln bên Mỹ giải-phóng cho bọn mọi đen !
Như tro g bài tổng luận đã nói, dưới triều vua Lý Thái-Tông, có bộ « *Hành Thư* » (1412) ra đời. Đó là chứng-cớ ngài chú-tọng về việc sửa đặt pháp-luật.

Chắc ngài cũng là người thích âm-nhạc, vì tôi căn-cứ ở ai việc này :

1) Gặp gày sinh-nhật, ngài cho làm ở sân rồng cái núi bằng tre, kêu là « *vạn tuế Nam-sơn* », rồi sai phường trèo lầu nhạc và múa hát ở trong đó.

2) S u khi chiến thắng Chiêm-t ành, ngài có bắt về những ung-nữ Chăm khéo ca điệu Gay - thiên khúc. (Coi *Đại Việt Sử ký Tiền biên, Bản kỷ*, quyển 2, tờ 42 v. v.)

Nhân hai việc đó, ta có thể nói : đến đời vua Lý Thái-Tông đây người mình đã thạo nghề hát bội và thâu-thái thêm được lối ca Chăm nữa.

Về mặt Phật học, ngài rất cao thâm, biết thấu tòn - chỉ đạo Thiề , có thể thuyết pháp trước các vị sư phơ phơ đầu bạc :

*Bát-nhã thực vô tong,
Người không, ta cũng không !
Phật qua (qua khứ), hiện (hiện tại), vị lai :
Pháp tính ấy vốn cùng (Dịch).
Cũng một giọng thiền-vị đó,*

ngài có làm bài thơ truy tán vị sư Tì ni đà lưu-chi :

*Bay gầy sang nước ta,
Tu hành giữ cửa Già.
Ung tin chực Phật nói,
Hợp một nguồn lòng xa.
Ngào ngạt sen Bát-nhã ;
Vằng-vặc trăng Lăng-già.
Khi nào lại gặp nữa ?*

Nói chuyện đạo Thích-ca. (Dịch)
Nói cho đúng, ngài ở vào đời hầy còn thuần-phác, trong óc lại chứa đầy tư tưởng nhà Thiề, nên thơ ngài nhuốm toàn một màu mộc - mạc, cồ-kính.

Ngài thọ 55 tuổi. Sau khi ngài băng, trên trang lịch-sử còn in những nét chữ vàng rực - rỡ : « *Văn trị, võ tu, Nùng binh, Phiên phục* ».

TIẾT TÁM

LÂM-KHU (? — 1063)

Họ Lâm, tên Khu, pháp hiệu Huệ-Sinh, ông người Đông-phù-liệt. (2)

Tướng-mạo khôi-ngô, đẹp đẽ, ông đã có tài biện-thuyết, lại vẽ khéo, viết tốt, văn hay.

Ngoài món nho học ra, ông còn khảo rộng thiề-thư, bách luận và nhiều sách khác.

Tuy đã 54 tuổi, ông vẫn tinh-tiến bằng-hái : thụ nghiệp nơi Đinh-Huệ thiề-sư, học - hành ngày một tấn-tới. Rồi ông đi khắp từng lâm, hăm-duỡng bằng đạo Phật.

Ban đầu tu ở chùa Bồ-đề trên núi Trà-sơn : Ông muốn đề nhiều thì-giờ yên-lặng mà suy-ngẫm, mà định tứ-nghưng-thần, mà trầm tư mặc-tưởng, nên mỗi lần nhập định lâu đến năm ngày. Cái công phu nhập định này tức như lối ông Gandhi

THỦ VIẾT

VIỆT-NAM VĂN-HỌC SỬ

HOA-BANG

bên Ấn-độ : mỗi tuần lễ cứ lấy ngày thứ hai làm ngày yên-lặng, không nói, không tiếp khách.

Một ông là người đạo cao, đức trọng, vua Lý Thái-Tông (1028-1054) sai sứ đến mời ông với tấm lòng thành khắn. Từ-chối không được, đến lần thứ hai, ông bắt đắc dĩ phải đi. Trong khi hội đàm, rất hợp ý vua, ông được phong làm Nội-cung-phụng lăng.

Trong một bữa tiệc trai ở nội-cung, trước mặt vua Lý và các vị đại đức các nơi, ông có làm bài này :

*Pháp vốn như không pháp,
Chẳng có cũng chẳng không.
Nếu biết rõ pháp đó,
Chúng-sinh với Phật đồng.
Trăng lăng-già lăng-lẽ,
Thuyền độ-hải mênh-mông.
Biết không không và có,
Tam-muội (3) cử viên-thống.* (Dịch)

Bài đó được vua Lý Thái Tông khen ngợi lắm.

Các vương công khanh tướng bấy giờ, vì hâm-mộ ông, đều lui tới hỏi đạo, coi là bậc sư tôn.

Đến triều vua Lý Thánh (1054-1072), ông lại càng được tôn-trọng hơn.

Năm Gia - khánh thứ năm, (1063), khi sắp từ trần, ông còn làm được hai bài thơ tứ ngôn tuyệt cú nữa... Nguyên-văn có chép trong bộ « *Thiền Uyển*

Số 18

Tập Anh », đại ý cũng là thuật cái sơ-kiến đề tỏ chỗ dụng tâm của mình là thế nào.

Chắc ông là một tay văn-tự đại-gia ở đời bấy giờ, nên được vua giao cho soạn văn bia ở các chùa : Thiên - phúc, Tiên-đu, Thiên - thánh, Khai-quốc, Diệu-nghiêm, Võ - ninh, Báo-đức.

Ông lại có làm được bộ « *Pháp sự trai-nghi chư đạo trường khánh-tán văn* ».

(Tham khảo : *Thiền Uyển Tập Anh* đời thứ 13 ; *Lịch Triều Hiến-Chương*, quyển 45 ; *Tùng-san trường Bác-cổ* quyển XXXIV, trang 138, số 137)

TIẾT CHÍN

MAI-TRỰC (998-1090)

Mai-Trực, đạo hiệu là Viên-Chiếu thiề - sư, người làng Long-dâm, huyện Phúc-đường, cháu bà Linh-Cảm thái-hậu nhà Lý.

Từ bé, Mai-Trực đã thông-sáng, lanh-lẹ, chăm học. Về sau, theo ông Định-Hương ở núi Ba-tiêu, nghiên-cứu về Phật-học. Trong vòng hơn ba năm trời, Mai-Trực tỏ ra là người kính thầy, mến đạo lắm. Sự tu-trì của ông sẽ đặc ở « *Viên-giác minh kinh tam quán pháp* ».

Ông có tài về khoa ngôn-ngữ : giảng thuyết trôi-chảy

như nước cuốn, mây bay.

Một tiếng đại đức, người ta đến học nơi ông ngày một đông-đảo, gây thành một cái tùng-lâm ở bên tả kinh-đô.

Mỗi khi cắt nghĩa cho ai nghe về lẽ Thiề, ông thường đặt thành câu thơ, mượn những sự-vật cụ-thể để bày tỏ nghĩa-lý thuộc trừu-lượng. Có lần câu rất thanh-thú, bóng-bẩy, đẹp-đẽ, tỏ ra một tay đã thâm đạo lại hay thơ. Nay xin chỉ đứng về mặt văn-chương, trích dịch ít câu để giới-thiệu cùng các bạn đọc :

*Bê rào, cúc thu nở ;
Đầu nhánh, oanh xuân kêu.* (Dịch)

*Kim-cốc (4) tiêu-diêu, hoa cỏ héo !
Mà nay, hôm, sớm, mặc trâu, dẽ...* (Dịch)

*Trước gió, thông reo vi-vút ;
Sau mưa, đường lội lầy-nhầy.* (Dịch)

*Cây khô, xuân đến, hoa đua nở ;
Nghìn dặm thơm-tho gió thổi hương !* (Dịch)

Gió gầy trúc sần : đàn chú Bá (Bá-Như).

Mưa gieo hoa núi : lệ nàng liên. (Dịch)

*Gió đưa tiếng sáo lừa qua trúc ;
Trắng vẽ hình non (núi) ném khỏi tường.* (Dịch)

Và :

*Xuân dật hoa như gấm,
Thu thêu lá dỏm vàng !* (Dịch)

Những câu đại khái như vậy thật có giá-trị về mặt văn-chương, ấy còn chưa kể có cái công-dụng nói bóng về nghĩa-lý trong Phật-học là khác.

Đem theo 92 cái tuổi sang Tây-phương, ông tịch ngày tháng 9, năm Quảng-hựu thứ

6 (1090) đời vua Lý Nhân Tông. Trước khi từ trần ông có làm bài này đề tỏ quan-niệm rành đối với cái chết :

Thân như tường-vách lúc tan-tành ;

*Ai chẳng nao-nao cảm chút tình ?
Nếu biết làm « không », không sắc sắc,*

Sắc, không: ăn, hiện ? mặc xoay quanh. (Dịch)

Trong Thiề-lâm, ông góp nhiều công vào việc trước-tác : soạn *Dược-sư thập nhị nguyên văn* (5), tán *Viên-giác kinh, thập nhị bồ-tát hạnh, tu chứng đạo trường* và làm được tập *Tham đồ hiền quyết*. (6)

Tham khảo : *Thiền Uyển Tập Anh*, thiề biểu thứ nhất, đời thứ bảy ; *Ân - Nam Chí Lược* quyển 15, tờ 7 ; *Lịch-Triều Hiến Chương*, quyển 45 ; *B E F E O XXXII*, trang 246 ; *B E F E O XXXIV*, trang 138, 139, số 138, 139 ; v. v.

Còn nữa

1) Bấy giờ chia dân-dinh làm ba hạng : Hạng 18 tuổi là hoàng-nam ; 17, tiểu hoàng-nam ; 20, đại hoàng-nam.

2) Có lẽ ở gần làng Tây-phù-liệt thuộc huyện Thanh-tri, tỉnh Hà-đồng.

3) Cái chốn mẫu-nhiệm huyền diệu.

4) Cái vườn chơi của phú-ông Thạch-Sùng.

5) Tập văn này có đưa sang Tàu, được Cao-tọa pháp-sư nhà Tống khen phục lắm.

6) Trong mục « *Thiền-chương* » sách *Kiến Văn Tiểu Lục* của Lê-Quí-Đôn và trong mục « *Văn-tích chí* » sách *Lịch-Triều Hiến-Chương* của Phan-huy-Chú chỉ thấy nói đến hai tác-phẩm của Mai-Trực : *Dược sư thập nhị nguyên văn* và *Tham đồ hiền-quyết*.

Tin văn hằng tuần

ĐÔNG-DƯƠNG

Pháp-quốc công báo vừa đăng một đạo sắc lệnh nói rõ về các điều lệ thuê nhà ở và cho thuê nhà tại Đông-dương. Đạo sắc lệnh này nay mai gửi tới đây thì Chính phủ Đông dương sẽ cho ban hành ngay. Trong lúc chờ đợi này, Chính phủ vẫn cho thi hành đạo sắc lệnh ngày 5 Novembre 1939 nói về quyền của người thuê nhà và quyền của chủ nhà trong việc thuê nhà và cho thuê nhà.

Hôm 2 janvier vừa rồi quan Thống sứ Delsalle vừa ký nghị định về việc cấm sữa, pho mát, bơ, kem như sau này :

Bắt đầu từ 15 janvier này những người làm pho mát, bơ, kem hay những thực phẩm gì có dính dáng đến sữa sẽ bị cấm hẳn trong thành phố Hanoi và những nơi sau này: phủ Gia lâm, phủ Từ sơn, huyện Tiên du, huyện Văn giang Bắc ninh, huyện Hoàn long, huyện Thanh tri, phủ Hoài đức, phủ Thanh oai, phủ Thường tín Hảđông, huyện Đông anh Phúc yên.

Ở Bắc kỳ riêng có những được sĩ là được phép làm thứ sữa gọi là Yaourth. Trong những nơi kể trên, việc đem sữa đi đến chỗ nào phải dùng thứ xe riêng theo kiểu mẫu của phòng thú y đã định.

Những nhà làm sữa sẽ do phòng thú y kiểm sát và mỗi ngày sản xuất được bao nhiêu, phân phát đi những chỗ nào, phải kê khai tường tận.

Sự kiểm sát này chú ý để phòng sự tích trữ sữa. Bắt đầu từ lúc có nghị định này việc đem những bò sữa ra ngoài những nơi kể trên sẽ bị cấm hẳn. Nếu có sự thay đổi gì về việc bỏ vắt sữa thì phải báo ngay cho sở thú y được biết.

Hồi cuối năm 1940, mỗi nhà ở Hanoi có nhận được một cuốn sách con nói về

việc phòng thủ thụ động và loan báo cho các cá nhân biết nơi phải đến nấp tránh nạn và nhà chữa thuốc gần nhà mình nhất và cả nơi cứu hỏa nếu khi cần phải báo cho người ta biết, với lại ngày mà họ phải dọn đi nếu ở vào nơi cần phải cho bớt dân đi chỗ khác.

Nay ông Chapoulart, Đốc lý Hanoi, báo cáo đề mọi người biết rằng nếu ai đánh mất cuốn sách ấy rồi thì nên đến tòa Đốc lý phòng Lục-lộ mà xin cuốn khác.

QUỐC-TẾ

26 nước về phe Anh, Mỹ đã ký hiệp ước Liên-minh. Tướng Anh Wawell. giữ chức tổng - tư-lệnh thủy, lục và không quân Đồng-minh tại miền Tây-nam Thái-bình-dương. Tướng Hoa-kỳ Brett phó Tổng-tư-lệnh phụ với tướng Anh Wawell. Đô-đốc Hoa-kỳ Hart tổng chỉ huy thủy-quân Đồng-minh ở miền này, và Tướng Grier-Thạch tổng chỉ huy các đạo quân Tàu và Đồng-minh ở Trung-hoa.

Quân Nhật đã chiếm được trường bay Kouantan là nơi căn cứ cuối cùng của Anh ở trước Tân gia ba về phía tây Mã-lai.

Quân Anh ở phía nam Ipoh và ở Kuala Lumpur đều phải rút lui.

Tân gia ba lại bị ném bom, nhân dân đã nhốn nháo lo thiếu vật thực.

Quân Nhật vẫn tiến đánh các đám tàn quân Mỹ và Phi luật tân định trút cả đến Balantan và Corregidor.

Phi cơ Mỹ đã lên đường sang tiếp cứu cho Phi luật tân.

Nhật lại chiếm được một trường bay lớn ở trong đất Diến-diện.

Ông Y Paringaux, đồng lý văn phòng bộ nội vụ Pháp, chết trên đường xe

Thống - chế Pétain đã nói

Bản-chức mong tất cả quốc-dân phải thấm nhuần một tinh thần mới để phục hưng vinh quang của Tổ-quốc. Bản-chức trân-trọng đề lời chúc các dân tộc Đế-quốc xa cách trùng dương và các tù-binh lưu trú ở ngoài bờ cõi. Nước Pháp vẫn còn. Chúc mừng năm mới.

lửa. Ông năm nay 42 tuổi.

Có lẽ ông Paringaux bị rơi ở trên toa xe lửa xuống đường sắt vào khoảng 7 giờ hay 7 giờ rưỡi tối hôm 4 janvier.

Có tin hình như Đức sẽ rút quân ở Ba Nhĩ-Cán đem đánh Nga. Ở Nga, Hồng-quân vẫn tổng phản-công trước Mạc-tư-khoa và đồ bộ thêm ở bán-đảo Crimée Mặt trận Bắc-dhi tạm ngừng vì bão cát. Thủy và không-quân Anh đánh Na-ny.

Hộp thư

Bạn P. K. Khoan, Huế — Đã nhận được tập thơ B. T. và thư đề 3-1-42 Đa tạ. T. T. ủng giúp ông H. C. về việc bạn nói.

Còn bài gửi đăng báo, cứ cuộn lại, đề ngoài « articles de presse » thì chỉ phải dán có 4 xu tem thôi.

Ô. Hoài chi, Qui nhơn — Đã nhận được bài. Xin cảm ơn. Sẽ có thư riêng nói về bài M. C. M. D.

Ô. Viễn chi, Thái bình. — Đã tiếp được thư sẽ liệu.

Ô. Đạm quốc Thanh, Huế. — Đã tiếp được hai bài. Đa tạ. Ông có nhiều tài liệu đã sưu tầm được, xin cứ viết rồi gửi ra cho. Rất hoan-nghênh... Báo T.T. không còn những số đầu.

Bạn Kiều thanh Quế, Cần thơ. — Đã nhận được bài N. Đ. T. T. và mấy bài thơ. Xin nhớ gửi ra bài p. b. L. C. như bạn đã hứa. Cảm ơn.

Hiệu Văn Hòa. Huế. Số 4, 5, 10, 18 hết cả, nên không gửi vô.

Học chữ Hán không cần thầy không gì bằng

học trong bộ

HÁN VĂN TÂN GIÁO KHOA THƯ

soạn giả: LÊ-THƯỚC

Giải nguyên, giáo sư bậc thành - chung

Trọn bộ 5 quyển — Giá 1p.60 — Cước 0p 38

Đề cho: hiệu sách Đông-Tây, 195 hàng bóng — Hanoi

PHI-LUẬT-TÂN

NHẬT-NHAM

NĂM 1542, người Tây-ban-nha Ruy Lopez de Villabas chiếm các quần-đảo miền nam Thái-bình-dương, rồi lấy hoàng-hiệu vua Philippe đệ-nhi (1555-1598) đặt tên là Phi-luật-tân (Philippines).

Đến năm 1659, nhà thám-hiểm Mignal Lopez de Lapaspi mở thành-phố. San Mignal trong cù-lao Cebu (về sau, thành-phố này thường gọi là Cebu), đuổi kiều-dân Bồ-đào-nha ra ngoài đảo, lập giáo-đường để truyền-bá đạo Gia-tô. Đạo Gia-tô chẳng bao lâu lan khắp các đảo Phi-luật-tân và có ảnh-hưởng rất hay trong việc khai-hóa dân bản-xứ.

Sau khi Tây-ban-nha mất các thuộc-địa Mỹ-châu, người Tây-ban-nha di-cư đến Phi-luật-tân rất nhiều. Nhiều báo xuất - bản, việc thương - mại - ngoại - quốc được khuyến-trương trong các hải-khẩu, trái với trước kia, người ngoại-quốc chỉ được buôn bán tại kinh-thành Manille.

Cuộc biến-động năm 1868 lại được thêm nhiều kiều-dân đến các quần-đảo, nhất là sau khi mở kênh-đào Suez, sự giao-thông trên mặt bể càng tiện cho người Tây-ban-nha di-cư đến Phi-luật-tân.

Các nhà truyền-giáo và các tù-trưởng nắm hết quyền-chính trong xứ, nên ông Rizat đứng lên phản-đối, được quan Toàn-quyền Despujols ủng-hộ. Nhưng vì các nhà truyền-giáo mạnh thế-lực, ông Despujols phải gọi về nước. Sau nhiều cuộc phản-đối hay ủng-hộ các giáo-đồ, trong xứ có nội-biến do Emilie Aguinaldo làm thủ-lĩnh. Ngày 12 Décembre 1897, một bản hòa-ước ký giữa Primo de Rivera và Aguinaldo. Aguinaldo nhận 4 triệu đồng Tây-ban-nha, dời đến Hương-cảng.

Năm sau, Hoa-kỳ khai chiến với Phi-luật-tân. Hạm-đội Tây-ban-nha không đủ lực-lượng chống nhau

với Hoa-kỳ. Ngày 1er Mai 1898, viện thuyền-trưởng Hoa-kỳ Dewey tới vịnh Manille, tấn-công rất anh-dũng. Quân Hoa-kỳ chiếm quân-cảng Cavite. Sau cuộc thất-bại ấy của quân Tây-ban-nha, trong cái quần-đảo Phi-luật-tân lại có nhiều cuộc nội-biến. Người Hoa-kỳ triệu Aguinaldo ở Hương-cảng về, giúp cho quân-nhu chiến-cụ để đánh nhau với quân Tây-ban-nha.

Ngày 13 Août 1898, Đại-tướng Hoa-kỳ. Wesley Merrit hạ được thành Manille, rồi ngăn không cho quân của tướng Aguinaldo vào thành. Dân Phi-luật-tân tổ-chức một Chính-phủ, nhưng không đủ lực-lượng để giữ trật-tự, nên trong xứ rối loạn, giặc cướp nổi khắp nơi.

Hòa-ước ký tại Paris ngày 10 Octobre 1898, được nghị-viện Hoa-kỳ duyệt-y ngày 6 Février 1899.

Dân Phi-luật-tân vẫn chống mãi với Hoa-kỳ cho tới 5 Février 1899 mới chịu giải giáp sau khi bị thiệt-hại to tại Paco. Tuy vậy, trong xứ vẫn có quân cần-vương khởi nghĩa, làm cho quân Hoa-kỳ hàng 6 vạn người đánh dẹp mãi tới 23 Mars 1901 mới bình xong.

Tháng Juillet 1901, một Chính-phủ thành-lập thay cho các quan binh, ân-xá tất cả các thủ-lĩnh cần-vương đã nổi lên chống nhau với Hoa-kỳ sau tự ra thú. Từ đó, một phần dân bản xứ đòi quyền tự-trị, nhưng người Hoa-kỳ công-bố rằng họ chưa thể độc-lập được ngay, cần phải chờ thời.

Phi-luật-tân có nhiều hải-đảo phía bắc, Luzon : phía nam, Mindano ; ở giữa, từ bắc xuống nam : Miadoro, Samar, Panay, Negros, Bohot, Cebu ; còn cù-lao Palawan hay Paraga kéo dài từ đông-bắc đến tây-nam và hải-đảo Sulu theo hướng đông-bắc đến tây-nam ở phía tây-nam đảo Mindano.

Viện Toàn-quyền Phi-luật-tân có một hội-nghị 5 người Hoa-kỳ và 4 người Phi-luật-tân ; và một hội-đồng tư-nghị giúp việc. Hội-đồng tư-nghị do dân bản-xứ có tuổi, có lịch-duyet, có học-thức và có địa-vị đề cử. Ngoài ra, có một tối-cao thẩm-viện, các tòa án sơ-cấp, các tòa án hòa-giải. Tối-cao thẩm-viện có 4 thẩm-phán Hoa-kỳ và 3 bồi-thẩm Phi-luật-tân.

Dân số có 70 triệu dân đã khai-hóa và 7 triệu dân chưa khai-hóa. (Ước 75 triệu người da xám, 42 nghìn người da vàng, 24 nghìn người da đen, 14700 người da trắng, 15500 người lai). Dân da đen ở rải-rác trên các quần-đảo Luzon, Panay, Mindanao và Negros. Thân-hình bé-nhỏ, tóc quăn, đầu tròn, da có trổ các hình, người da đen họp thành từng bộ-lạc phiêu-lưu các nơi. Người da xám chia làm 33 bộ-lạc khác nhau về ngôn-ngữ, tiến-hóa, trong số ấy 7 bộ-lạc theo đạo Gia-tô. Người da vàng là người Tàu. Người lai là giòng-giữ Tây-ban-nha và Mã-lai. Nửa phần người da trắng là dân Mỹ.

Trong các hải-đảo, nghề canh-

Sách mới

Tri tân nhận được :

Tình lụy, tiền thuyết của Phạm lệ Oanh nữ sĩ, Nhật nam thư quán xuất bản.

Thi Văn Bình Trú, Lê, Mạc, Tây sơn từ giữa thế kỷ xv đến đầu thế - kỷ XIX của Ngô Tất-Tổ trong tủ sách Tao đàn do Tân dân xuất bản. Sách dày 224 trang, giá bán 0 p, 80.

Xin cảm ơn nhà xuất bản và vui lòng giới thiệu cùng độc giả Tri tân.

Chúng tôi cần dùng :

Luận-ngữ bản dịch của Dương-bá Trạc.

Khởi tình con III của Tân đà.

Giấc mộng lớn của Tân đà

Bạn đọc nào còn giữ được làm ơn gửi đến cho chúng tôi mượn một ít lâu. Chúng tôi xin cảm ơn vô cùng. Đề tạ tấm thịnh tình của bạn đọc gửi cho, chúng tôi sẽ xin gửi sách biếu làm kỷ niệm L. T. TRI-TÂN

— Nước Lãng-sa, là Bảo-hộ. Người tây sang, vừa mở mang, vừa bảo dạy. Ta tin cậy, nhận làm thầy. Rồi từ đây, khôn hơn trước. Phàm dân nước, nên biết ơn.

TÂN-ĐÀ

— Máy đẻ ra, là người Việt; máy phải biết, yêu nước Nam. Bốn nghìn năm, nước đã cũ. Nhờ Bảo-hộ, dân văn-minh; tính số dân, hai trăm triệu cùng yêu dân, như anh em.

TÂN-ĐÀ

— Chữ Lãng-sa, ta phải học; đạo thánh Khổng, ta nên theo.

TÂN-ĐÀ

nông là gốc, sản xuất gạo, dừa, mía, thuốc lá, sợi. Có nhiều nhà máy chế tạo dầu dừa, thuốc lá, đường, sợi, vân vân.

Hải-đảo Phi-luật-tân thuộc Hoa-kỳ thẩm-thoát đã được 40 năm. Theo nhời yêu-cầu của dân-chúng, Chính-phủ Hoa-kỳ đã đưa phiếu ưng chuẩn đến 4 juillet 1946 sẽ cho Phi-luật-tân độc lập. Muốn cho dân Phi-luật-tân được thực-hiện việc tự-trị, muốn cho sự giải-phóng có kết quả, Hoa-kỳ hứa sẽ giúp Phi-luật-tân về phương-diện tài-chính và kinh-tế sau ngày 4 juillet 1946. Hiện nay, Chính-phủ Hoa-kỳ đang tìm cách mở mang xứ Phi-luật-tân về phương diện xã-hội, khai thác các tài-nguyên

trong xứ, để sau này, Phi-luật-tân có thể độc-lập, không những về mặt chính-trị mà cả về mặt kinh-tế nữa.

Ngày 8 Décembre 1941, Thái-bình-dương nổi sóng ! Nhật-bản khai chiến với Hoa-kỳ ! Ngay trưa hôm ấy, không quân Nhật bay đến đánh thành trì Gothenbourg phía bắc đảo Lacon là chỗ hoành doanh của bộ tư-lệnh Mỹ, cho quân nhảy dù xuống đất Phi-luật-tân.

Sáng 10 décembre 1941, quân Nhật đổ bộ được lên đảo Lacon.

Rồi kế tiếp nhau, từng đoàn phi cơ Nhật bay đến kinh thành Manille, phá miền duyên-hải, chỗ các bến tàu đỗ.

Trưa 27 décembre 1941, quân Nhật đổ bộ lên miền bắc và đông-nam thành Manille, giao - chiến nhiều trận kịch-liệt với quân Phi-luật-tân.

Quân Mỹ rút khỏi Manille và tuyên bố kinh-đô Phi-luật-tân bỏ trống.

Sau nhiều trận huyết chiến ở phía bắc và phía nam Manille, quân Nhật chiếm được nhiều nơi xung-yếu mặt đông-nam, trong khi thủy-lục-không-quân cùng hợp-lực công kích pháo đài trên cù-lao Corregidor trong vịnh Manille, đốt cháy các cơ-quan quân sự và phá hủy nhiều chiến-thuyền.

2 janvier 1942, quân Nhật kéo vào

thành Manille, đóng hết các nơi và lập lại trật tự.

Còn quân của Đại-tướng Hoa-kỳ Mac Arthur rút về một căn-cứ-địa trọng-yếu, chờ quân cứu-viện, để lập lại một chiến-luyến mong khôi-phục những đất đã mất về quân địch.

NHẬT-NHAM

Tên các vị độc giả chưa trả tiền

Sợ các ngài lằm việc quên, nên bản chỉ cần nhắc các ngài, mong các ngài đừng trách chúng tôi mà vui lòng gửi mandat về giả ngay cho. Đa tạ.

Ô. Đặng trần-Cung, Bắc ninh

Nguyễn ngọc-Đĩnh, Bắc giang

Đỗ thúc-Phách

Trần trọng-Trinh, Bình lục Ha-nam

Phạm ngọc-Lan, Diệp-Sơn

Đỗ khắc-Luận, Cồ-triết Hưng hóa

Hoàng ngọc-Tấn

Nguyễn đình-Bao Hưng yên

Nguyễn văn-Doanh

Phí vĩnh-Hải

Phạm hữu-Lung

Lê văn-Cần kim động

Vũ văn-Vực đẳng châu

Ng văn-Tạo, nhật lệ

Đặng hữu-Dzu Kiến An

Phạm huy-Chiêm Lạng sơn

Lương văn Chính

Phạm mạnh-Hiền

Đỗ văn-Kiên

Hoàng đình-Ninh Lao kay

Tạ chiêu-Lyn Mường hum

Ngô Túc Moncay

Phùng tất-Đắc Nam định

Trần ngọc-Thu Vụ bản

Vinh Thi

Đặng ngọc-Thủy

Tiền đại-Uu

Bùi Đàn, Phát diệm Ninh bình

Phạm huy Nghiên Phú thọ

Nguyễn Bá-Chức Thái-bình

Đỗ Kỳ-Nhân Thái-Nguyên

(Còn nữa)

MỜI IN LẠI LẦN THỨ HAI

Sổ tử vi lập thành

dạy lấy Sổ Tử-Vi không phải tính các sao, dạy cả cách đoán đã kinh-nghiem

của nhà lấy sổ tử-vi rất có tiếng là :

NGUYỄN-PHÚC-AM, chủ Thiên-Phúc-Đường soạn

Giá bán 0p.60. Cước 0p.13. Gửi cho :

hiệu sách ĐÔNG-TÂY, 195 hàng Bông Hanoi

AM TIÊN

DU-KÝ của HOÀNG-MINH

CÁI tên Am Tiên đã gọi đủ tính tò-mò và rủ-quén tôi, ngay từ khi tôi mới bước chân đến làng Cồ-định (cách Thanh-hóa 26 cây số).

Rủi khi tôi đến đây nhằm những ngày mưa, mưa ròng rã hơn một tháng trời.

Mãi đến nay, trời nắng đã mười hôm, đường xá khô ráo, nên mới đi được.

Am Tiên cách Cồ-định chừng năm cây số. Phải trèo qua ba quả núi. Mấy người bạn và tôi bắt đầu ra đi từ 8 giờ sáng. Chúng tôi đi theo sườn núi Nưa, tên dần mãi, qua ngọn núi này sang ngọn núi khác. Đường đi vắng-vẻ, lởm-chổm những đá. Lau, sậy, nứa, giang mọc bùm lùm. Những giọt sương còn đọng trên cành lá dần dần làm ướt hết quần áo, chúng tôi vừa đi vừa phát những cành nứa mọc ngang đường để lách lấy lối đi.

Qua đỉnh núi thứ nhất, sang đến ngọn thứ hai, chúng tôi phải men theo kẽ núi mà nước mưa, từ đời ấy sang đời khác, chảy đã thành vệt. Đường đi dốc ngược lên tận đầu non, thật là treo leo nguy-hiêm. Một đôi khi có từng phiến đá to tướng chắn ngang đường, chúng tôi phải cúi khom người, đi bằng cả hai chân, hai tay. Trăm thức cở bùm tum, nhiều chỗ che kín cả lối đi, nhiều chỗ cao quá đầu bọc kín lấy chúng tôi. Khi ở dưới sườn non, trời nóng, chúng tôi đã phải cởi áo ngoài; nhưng lên đến đây, gió thổi mát rượi, lại thấy lạnh lạnh. Nhìn xuống chân núi, ruộng nương như bàn cờ. Làng mạc xa xa điểm thành những chấm đen, giữa những thửa

ruộng vàng hoe lúa chín Trông về phía bên này núi, là địa hạt châu Như-xuân, chỉ thấy bát ngát rừng núi. Xa xa đã thấy ần-hiện Am Tiên.

Đường từ đây dễ đi, vì ở bên trên ngọn đồi bằng phẳng, chỉ toàn cỏ cỏ tranh.

Quang-cảnh Am Tiên

Am Tiên ở trên một ngọn đồi bằng phẳng, rộng có lẽ đến ngàn mẫu. Toàn một giống cỏ tranh mọc cao ngang đầu. Ngọn đồi này cao hơn 500 thước tây. Đứng trên có thể nhìn thấy bãi biển Sầm-sơn với những hàng phi-lao vút lên chân trời, và Thanh hóa với những vết tường vôi trắng xóa. Khí-hậu mát quá, nhất là về mùa hè.

Am Tiên, trước đây mấy ngàn năm, có lẽ là một thắng cảnh to tát lắm! Dưới những nhát « búa của thời gian », Am Tiên bây giờ chỉ còn là một nơi hoang tàn, hiu quạnh, đề hàng năm nắng giời với trăng soi. Bây giờ chỉ còn đôi chút vết-tích sót lại. Hay nói cho đúng, Am Tiên bây giờ tức là một cái lều tranh, mà một người dân ở vùng này mới dựng lên để ghi lại cái dấu vết của ngàn xưa.

Trong Am chúng tôi thấy một tòa sen bằng đá, chạm-trổ rất tinh-vi, xung quanh tòa sen chỉ còn những miếng đá vuông kê cột nhà, cái còn nguyên, cái xứt vỡ. Trước cửa Am, cách xa độ ba bốn bước một con rùa đá đội bia đã xứt cả đầu đuôi và một mảnh khánh đá. Chúng tôi lấy miếng gỗ gõ vào thấy kêu như tiếng chuông.

Những đồ bằng đá này đã mòn, đã giấm cá, dưới những

giọt mưa nặng-nề rơi lên trên, từ đời này qua đời khác, mặt đá đã lở trổ, xò ram-ráp như những viên đá kỳ.

Xung quanh chỗ Am, còn có vết-tích một bức lũy đất, bề ngang có lẽ đến một thước. Bức lũy này đã đổ nát cả, chỗ còn cao độ vài chục phân tây, chỗ đã phẳng lì với mặt đất thì cỏ mọc xanh rì chum kín.

Cứ lấy bề ngang lũy mà xét, chắc lũy chu-vi rộng lắm thì phải.

Cách chỗ Am vào độ vài chục thước tây có một cái ao nhỏ độ nửa sào. Trên bờ có mấy cây tam-thất, không biết sống từ đời nào, mà bây giờ cằn-cỗi, chỉ cao độ hai ba thước. Thân cây xù-xì

PHẬT-HỌC THƯ-XÃ

Sách nấu đồ chay 71 món 0p.30

A-Di-Đà kinh. Có 3 bản :
chữ Hán, quốc - âm,
quốc-văn 0.25

Di-Đà, Hồng-danh, Va-lam,
Phổ-môn (kinh tụng) 0.40

Sự tích Phật A-Di-Đà 0.20

Phật Pháp võ lòng 0.20

Chuyện Phật đời xưa có
37 tích rất hay 1.00

Đa lịch xứ Phật (xứ của
đức Phật sống) 0.90

Triết-lý nhà Phật 1.00

Pháp-giáo nhà Phật 1.10

Na-Tiên Tỷ-kheo kinh (cuộc
luân đạo rất thâm trầm
giữa một nhà vua với
một nhà sư) 0.80

Sách đóng bia năm quyền (Truyện
Phật Thích-Ca, du lịch xứ Phật
Đạo-lý nhà Phật, chuyện Phật
đời xưa, văn-minh nhà Phật) mạ
chữ vàng. 5.50

Gửi mandat, phụ thêm 10% cước
phí.

Địa chỉ: Monsieur

ĐOÀN - TRUNG-CÔN

143 rue de Louvain Saigon

mốc-thếch, chứng tỏ rằng cây đã chịu bao bồi phong vũ tang-thương. Xung quanh bờ ao, vài ba nơi còn những bậc đá. Người bạn chúng tôi, là thổ-dân ở đây, bảo rằng ở dưới ao có than, cát, đá, sỏi. Anh đoán có lẽ các cụ ngày xưa đã biết cách lọc nước theo khoa-học chẳng ?

Cách ao độ vài trăm thước, có một khoảng đất phẳng rộng độ vài mẫu. Thổ-dân cho là di-tích một cái chợ. Chỗ này bây giờ gọi là chợ Bua. Chợ bây giờ có lẽ bốn mùa chỉ có trăng soi cùng gió lộng, hay nắng giãi voi mưa tuôn.

Chúng tôi lảng-lặng cùng nhau đi trên những dấu-vết ngàn xưa. Không biết từ mấy ngàn năm, mấy trăm năm về trước, chỗ này đã có một thời oanh-liệt. Biết đâu trong lòng trái đất này còn ngậm bao dấu-vết của tiền-nhân ? Mà biết đến đời nào mới lại có người moi ra ánh sáng ? Hay theo những cuộc phế-hưng, tang, hải, lớp người đã sống ở đây từ mấy mươi thế-kỷ trước cứ bị quên dần trong bong-tối của thời-gian cũng như những vết-tích họ để lại bị chôn vùi trong thâm-tâm trái đất !

Chúng tôi đi, lòng buồn rười rượi, sống lại với cả một lớp người xưa mà nay không còn một chút vang bóng !

Chút ít lịch-sử

Theo như khẩu-truyền ở đây, thì Am Tiên là một nơi trụ-trì của một vị ân-sĩ hiện là Na-Tiền (1) Vì dãy núi Nưa, tên chữ là Na-sơn, nên cụ lấy hiệu là Na-Tiền, nghĩa là người đón củi ở núi Na. Dân ở đây thường gọi cụ là cụ Tu-Nưa.

Cụ sống vào đời nhà Hồ. Thấy cha con Hồ-Quý-Ly làm những việc thoán-ngịch, bạo-ngược, cụ không thêm ra làm quan, nên lên ẩn ở dãy Na-sơn. Cụ sống

một mình ở trên này, bạn bầu cùng hươu, nai, sống bằng hoa, quả, măng tre, măng nứa.

Thỉnh-thoảng cụ cũng gánh củi xuống chợ Nưa bán. Nhưng cụ không bán lấy tiền, chỉ đổi lấy rượu. Cụ uống thật say, rồi vừa nghêu-ngao hát vừa lững-thững ra về.

Hồ-Hán-Thương nghe tiếng cụ, sai sứ-giả đến triệu cụ ra làm quan. Khi sứ-giả lên đến nơi, cụ mắng sứ-giả đủ điều rồi đuổi ra khỏi Am không thêm tiếp.

Sứ-giả về tâu Hồ-Hán-Thương. Hán-Thương lại sai sứ giả lên dụ lần nữa. Sứ đến lần này thì cụ đã mây ngàn hạc nội, chỉ còn thấy ở vách Am có đề hai câu thơ (2).

Hồ-Hán-Thương giận lắm, sai người lên đốt Am. Tục truyền khi đốt Am có một con hạc trắng bay ở đồng lửa ra.

Từ đấy, không ai thấy bóng cụ Na-Tiền ở đâu nữa !

Có một điều chúng tôi lấy làm lạ, là cụ Na-Tiền bấy giờ đi lại ở những ngọn núi này không sợ hùm, beo hay sao ? Vì theo lời các vị cổ-đạo nói, thì cách đây hơn trăm năm, ngay ở chỗ Thao-ma làng Cồ-dịnh bây giờ, hùm, voi còn về dễ.

Dù sao, một mình cụ không có thề lập nên Am Tiên được.

Vậy ai là người đã lập nên Am Tiên ? Về hồi nào ? Cách đây bao nhiêu thế-kỷ ? Xin hỏi các bậc cao-minh.

Chiều đã bằng-lãng, chúng tôi búi ngùi ra về, cùng nhau ngâm mấy vần thơ của Huy-Cận :

*Đồn xa quần quai bóng cờ,
Phất-phơ buồn tự thời xưa
thời về,*

*Ngàn năm sức tĩnh, lệ-thê
Trên thành sơn nhật. Chiều tà
cái đầu...*

Bờ tre rung động trống chầu,

*Tướng chùng còn vọng trên lầu
ải-quan.*

HOÀNG-MINH

Cồ-dịnh ngày 16-11-41

1) L. T. S. — Theo chỗ chúng tôi biết, thì vị Na-sơn ân-sĩ này tên là Trần Tu. Bấy giờ vào đời nhà Hồ (1400-1407), Trần không chịu xuất chính, ở ẩn tại Na-sơn, Thanh-hóa. Chính cụ Mai-sơn có bài thơ đầu đề là « *Vọng Na-sơn, ức Trần ân-sĩ di sự, ngẫu thành* », tức là chỉ về vị Na-Tiền này đấy.

2) L. T. S. — Hai câu thơ ấy như vậy : « *Kỳ-la hải khẩu, ngắm hồn đoạn ! Cao vọng sơn-biên, khách tứ sầu !* » Nghĩa là đến cửa biển Kỳ-la thì hồn thơ đứt ! Lòng khách trạch buồn khi cao trông lên bên núi ! Về sau, nhà Hồ thua quân Minh, chạy đến cửa biển Kỳ-la thì bị bắt. (Bấy giờ các phụ-lão ở vùng này không muốn tiếp nhận cha con họ Hồ, nên nói trạt ra là Cơ-la để mong họ Hồ cho tên ấy là điềm xấu mà chạy đi chỗ khác chẳng).

Mời xuất bản

MANUEL

de

CONVERSATION
en français et Annamite

của

MÊ DƯƠNG

Cựu giáo viên



Sách dạy nói chuyện
tiếng Pháp cốt dùng
cho người Nam học
nói chuyện tiếng Pháp
hay những người ngoại
quốc biết tiếng Pháp
học nói truyện tiếng

Nam



Đủ các câu cần biết của hầu
khắp các nhân vật trong các giới



Giá 0p.20, cước thường 0p.06 gửi
bằng tem (cò) cũng được cho hiệu

BÔNG-TÂY

195, phố hàng Bông Hanoi

LÝ CHIÊU-HOÀNG

(Kịch lịch-sử bằng thơ)

Số 4

PHAN KHẮC-KHOAN viết

TRẦN THÁI-TÔN

Ồ lạ ! người đâu lên tới đây ?

THỊ VỆ

Tên kia liệu với nhát gươm này !

Làm sao dám ngạo bên Thiên-tử ?

Này, nhát gươm đưa, này, ngạo này !

(Rút gươm hăm dọa)

TRẦN THÁI-TÔN

Hãy gươm cho ta hỏi đã nào !

Người kia hát-huội tới từ đâu ?

Mà trông ngờ-ngợ...

TRẦN-LIỄU

Tâu Thiên-tử,

— Đây chiếc đồ con đậu bến sâu.

TRẦN THÁI-TÔN

Là chiếc đồ con đậu bến sâu !

Chiếc đồ ban nãy lướt mau-mau ?

TRẦN-LIỄU

Muôn tâu Thánh-thượng, con đồ ấy :

Trần-Liễu, thăm xin rạp cúi đầu. \

TRẦN THÁI-TÔN

Trần-Liễu ? Trời ơi lạc tới đây ?

Trần công sao biết, đến nơi này ?

Hiền khanh xin thứ lời cho Trẫm :

Tướng điếu-ngư nào dở chén say !

TRẦN-LIỄU

Tâu muôn tròng,

Thần chính thực đương say,

Đương điên, đương cuồng, hồn đương ngây.

TRẦN THÁI-TÔN

Nhưng nếu tướng-công hay lòng Trẫm,

Sẽ biết xiêm rống thường ướt đầm.

Chúng ta cùng trôi giữa một giòng châu :

Bốn linh-hồn đương thăm-thiết, thương đau

TRẦN-LIỄU

Bốn linh-hồn đương thăm-thiết thương đau

Đương chung trong một mối u-sầu !

TRẦN THÁI-TÔN

U sầu và nhục nhã...

Lòng trẫm đã từng phen tan rã !

Trên giòng sông gặp gỡ buổi hôm nay

Mặt nào còn trông ngó thấy nhau đây,

Đấng Thiên-tử mà, trời ơi, hồ thẹn

Vì đạo nghĩa cương thường không giữ vẹn !

TRẦN-LIỄU

Sự đã làm như vậy cũng đành thôi,

Thần nguyện xin giữ đạo làm tôi.

Tuy lòng đã bao lần sôi máu hận,

Ấu là bởi nhân-duyên và số-phận.

TRẦN THÁI-TÔN

Thôi cùng nhau đành trọn nghĩa hi-sinh :

Niềm yêu-thương gói liền với u-tình

Mong đền chuộc nợ duyên bằng nghiệp lớn.

Tim non thắm lẽ càng đầy hơn hớn,

Mà từ đây, không còn gợn nét mê say.

Trời hôm nay mây thắm nhẹ hây hây,

Ta nhớ lại cảnh thiên nhiên nơi Phật tự :

Ta đã nếm một màu đời tăng lữ...

TRẦN-LIỄU

Nơi ngày nay Chiêu-thánh đã nương mình.

TRẦN THÁI-TÔN

Nơi thiên-môn Chiêu-thánh đã nương mình,

Đã đành quên mười chín cái xuân xanh ?

Ta quyết đến nơi chùa thanh hảo-lãnh

Đề vĩnh-biệt cùng sư cô... Chiêu-thánh.

Nhưng mà đây triều phục quá uy-nghi,

Còn bào này, châu gấm nạm mà chi !

TRẦN-LIỄU

Tâu, thần đã

Tìm được chiếc áo cà-sa nơi ngôi chùa

thôn-dã ;

Đề ngay đây Hoàng-thượng dễ thay hình,

Vào chùa thăm như khách lạ vi-hành.

TRẦN THÁI-TÔN

Ta rất đội ơn sâu người nghĩa khí,

Trần-công ơi, bậc tròng-thần hiệp-sĩ,

Phải anh-hùng lượng cả quá bao-dong

Còn lo cho kẻ khác được khuây lòng.

Niềm cao quý Trẫm nguyện xin ghi mãi mãi

Và sẽ quyết tìm phen đền đáp lại...

TRẦN-LIỄU

Thần đã từng giao ước với non sông :

Sống gang-hồ cho ngày tháng thông-dong.

Đề người hận lòng xưa, khi gió tới,

Khi mây nước ửng màu tươi phơi-phới.

Thần cúi đầu xin bái biệt long nhan,

Nơi xa xa... đương lướt nhẹ áng mây ngàn.

TRẦN THÁI-TÔN (Trần-Liễu đi)

Tướng-công Trần-Liễu,

Trời ơi ! Ta bỗng thấy trên sông, buồn

lạnh-lẽo,

(Trần Thái-Tôn tới trước cửa chùa)

Cảnh IV

(Trước cửa chùa : Trần Thái-Tôn bận áo cà sa gặp một nữ-tỳ. Tấm màn mỏng vẫn buông với Chiếu-thánh ở trong)

NỮ-TỶ (Vừa hái chè, vừa hát những câu ca-dao) :

Giốc lòng lên cõi thiên-thai
Mũ rơm, áo vải, giày gai, tu-trì.
Tiếng chuông lay bóng bồ-đề.
Có con chim trắng bay về tây-thiên.
Thoát trần tìm chốn siêu-nhiên
Má hồng nương-náu đợi miền tang du.
Đã đành cắt tóc đi tu,
Một ngày của Phật, mười thu cõi trần.

TRẦN THÁI-TÔN (Núp nghe hồi lâu, rồi lên tiếng)

Tiền đồng vào gởi với ni-cô :
Bần-tăng xin vãn cảnh viếng thăm chùa.

NỮ-TỶ (Vờ như không biết đây là Trần Thái-Tôn)

Không không
Ni-cô tôi không tiếp rước bao giờ.

TRẦN THÁI-TÔN

Bần đạo ở chùa xa vì lỡ bước.

NỮ-TỶ

Mặc, ni-cô tôi không hề quen tiếp-rước.

TRẦN THÁI-TÔN

Nhưng này người : Cửa Phật rất thanh-thang,
Mà tôi đây cùng trong đám sư-tăng.

NỮ-TỶ

Nhưng đây là sư cô, sư nữ...

TRẦN THÁI-TÔN

Song tôi cùng sư nữ...,
Là chỗ đồng ban trong tăng-lữ.

NỮ-TỶ

Vậy thì người trao lại tấm pháp danh
Đề tôi đem vô sư-nữ dâng trình.
(Nữ-tỳ vào rồi trở ra)

Mời sư ông rảo bước,
Tôi đã nói : sư-cô tôi không bao giờ tiếp-rước.
Người nên lui, lui mãi rất xa, xa
Nếu tôi còn trông thấy áo cà-sa...

(Trần Thái-Tôn giả vờ lui, nữ-tỳ lại hái chè và lại hát ca-dao) :

Tiếc công van quên cõi lòng,
Săm soi trên ngọn : gốc sùng ai hay !
Chữ rằng xuân bất tái lai,
Ngày nay hoa nở, ngày mai hoa tàn !
Trách ai dạ thứa, lòng lang,
Làm cho nên nỗi thiếp chàng rẽ-phân.
Trách ai tham phá, phụ bần,
Tham xa mà bỏ nghĩa gần thuở xưa.
Rả nhau xuống biển bắt caa,
Lên non bắt nhạn, vô chùa nghe kinh.

Lên chùa, thấy Phật muốn tu ;
Về nhà, thấy mẹ công-phu chưa đền.
Muốn đi tu, công-phu chưa có ;
Muốn lên chùa, chuông mõ cũng không.
(Nữ-tỳ đi một lúc một xa, Trần Thái-Tôn đi lần vào trong chùa phía trong màn)

CẢNH V

(Cảnh chùa-phía trong bức màn mỏng : Chiếu Thánh, Trần Thái-Tôn)

TRẦN THÁI-TÔN

Kính chào sư-hữu
Bần đạo đến thăm chùa, nơi cổ cụ

CHIÊU-THÁNH

(từ lâu vẫn ngồi yên, lần tràng hạt diêm-tĩnh trả lời, không ngó) :

Dẫu rằng cùng trong bọn tăng gia
Cũng xin người hãy tạm bước lui ra.

TRẦN THÁI-TÔN

Nhưng mà...,
Nhưng mà...sư-cô... Chiếu-Thánh,
Tôi chỉ là...
Chỉ là... sư tăng... Trần-Cảnh,

CHIÊU-THÁNH

Trần ?

TRẦN-THÁI-TÔN

Trần-Thái-Tôn,
Cùng sư-cô vừa mười chín cái xuân non...
Người trước đây mười hai năm,
Đã mang tên Trần-Cảnh,
Và đã kết duyên cùng Chiếu-Thánh.

CHIÊU-THÁNH

Nhưng Trần-Thái-Tôn,
Sao ngài lâm giá đến thiền môn ?
Xin ngài rõ :
Đây là trước Như Lai Phật-Tổ.

TRẦN-THÁI-TÔN

Phải, đây là nơi cứu thế, độ nhạn.

CHIÊU-THÁNH

Nhưng không phải nơi cung-điện của vua Trần.

TRẦN THÁI-TÔN

Song là chỗ chúng-sinh cầu-nguyện phúc,
Đề vơi hận lòng xưa ; sầu vạn học...
Ta đến đây vì đạo nghĩa cương-thường,

CHIÊU-CHÁNH

Nhưng đây là nơi Phật-tự ngát trầm hương ;
Đây là chỗ không mơ-màng thế-sự,
Đây là chỗ tu hành đời tăng-lữ.

TRẦN THÁI-TÔN

Nhưng mà khanh lòng chắc chưa vơi nguôi,
CHIÊU-THÁNH

Không, tâu quân-vương dạ thiếp héo-khô rồi.
(Còn nữa)

SỐ 7

TIÊU-THUYẾT DÀI

THOÁT CUNG VUA MẠC

CHU-THIÊN viết

RỒI vị sư kia đi thẳng hè nhà tổ vào gian đầu gần chùa. Một lát, sau sư ông lại trở ra, theo sau có một vị sư già, da răn, má lõm, trên đầu trọc, tóc lú nhú trắng xóa như bông nõn, mặc áo cà-sa, tay lần tràng hạt, đi đứng vững vàng, tiến lại gần chỗ Liên-Tường. Nàng vừa trông thấy, liền sụp xuống lạy :

— Bạch lạy sư Tổ !

Sư cụ liền chạy lại tận nơi, đỡ nàng dậy và nói :

— A-di-đà Phật ! Con là Liên-Tường, lệnh ái quan Thượng-thư trí-sĩ Phan Công-Độ à ? Tình con, đáng thương, mà lòng con đáng kính. Hiếu tâm sẽ động đến Phật, Giới. Công việc của con rồi cũng có ngày phải thành. Nhưng hiện bây giờ, quyền thần mạnh thế, phép nước rối beng, khó lòng mà mình oan ngay được. Thôi, đã có lời gửi của lão ni chùa Liên-Hoa, thì con cứ nấn ná ở đây đợi ít lâu, bản-tăng coi con như người nhà chùa vậy. Hễ có dịp tốt, bản-tăng sẽ hết sức giúp. Thường ở đây cũng lắm các quan trong triều ra hành hương, để bản-tăng liệu xem.

Liên-Tường cảm động quá, ứa hai hàng nước mắt, lạy tạ :

— Trăm lạy sư-tổ, lượng hải-hà của sư-tổ đối với tiện-tín thật không bờ bến. Tiện-tín được sư-tổ cho nương náu ở đây cũng là quá lòng mong mỏi rồi. Tiện-tín không dám đề cử Thiên phải bận đến công việc riêng của con.

Sư già ung-dung nói :

— Ấy chết, con chớ quá lo chi vậy. Cửa từ-bi rất rộng, cứu người sa ngã, giúp nơi oan trái là bổn-phận nhà chùa. Huống chi Phan

Các-hạ trước kia là bậc quan nhân đức, danh vọng ngai tảo-mạn đến cả cửa Thiên, thì bản-tăng lại lấy làm hân hạnh được Phật Tổ đôn dủi cho con đến đây, bản-tăng được dịp phần tìm đường giúp một vị quan đại-độ và một người con gái chí hiếu như Đề Oanh đời trước. Con đừng nề hà gì, con ạ ! À, mãi nói chuyện quá, bản-tăng quên cả hỏi thăm : Phan Các-hạ được mấy các con ?

— Bạch sư tổ, thân phụ con chỉ được mỗi một mình con lại là phận gái, nên con nguyện còn thân này quyết phải mình oan báo thù được cho thân-phụ con mới thôi !

— A-di-đà Phật ! con thành tâm chí hiếu như thế, Phật tổ phù hộ cho con chóng được như nguyện. Duyên do thế nào, con thuật lại cho bản-tăng nghe. Trong thư lão ni chỉ nói sơ qua con gặp gia biến, Phan Các-hạ bị kẻ gian thần hãm hại, con quyết chí mình oan thôi, chứ chưa kể ngành ngọn ra sao Bản-tăng chưa được rõ.

Liên-Tường sụt sùi, cố nén thốn-thức, thuật lại từng ly từng tý : từ việc cầu hôn đến việc chiếm đoạt, khi nàng bị đuổi, gặp người cứu ra sao, lúc về nhà thấy cảnh tan nát thế nào, nhất nhất đều thuật lại rõ ràng cho sư già nghe. Mấy vị sư đứng quanh nghe đều ngùi ngùi thương cho thân phận cô bé và ngán cho thế-thái nhân-tình. Sư già nghe đoạn, chép miệng bảo Liên-Tường rằng :

— Gian thần cậy thế làm sẵn đến thế là cùng-cực. Bất cứ việc gì oan-ức tàn-nhẫn đều do cha con Nguyễn-Tân cả, có sai đâu ! Nó mà còn làm Đô-Đốc kinh thành ngày nào, thì dân gian còn khổ ngày ấy. Mạc

vương và nhà vua thì cao xa không thấu rõ dân-tình, cứ tin dùng nó, nó càng lộng quyền làm bậy. Chử có người nào đủ can-đảm lý-lẽ mà bày tỏ cho Mạc vương rõ sự tình thì dân còn là khổ !

— Bạch sư tổ, con xin nương náu ở cửa Phật đây cũng chỉ vì việc ấy. Chớ hay chầy nhờ sư tổ vạch đường chỉ lối, con quyết cũng mình oan được cho thân phụ con và báo thù cho mọi người.

— Con dốc lòng như thế, Giới Phật sẽ giúp con chóng thành công việc. Cha con Nguyễn-Tân cần giữ tâm ác quá, thần oán, dân giận. Cho nên mới xui ra gây chuyện với con đề mà đến ngày tận số. Bản-tăng tin thế nào con cũng rửa được thù. Thôi con đi xuống nhà dưới rửa chân tay, đi thụ trai, rồi nghỉ kéo mệt ! Ở đây cũng như ở dưới chùa Liên-Hoa, cứ việc yên ổn mà lo công việc. Đừng nghĩ-ngợi gì cả. Rồi sư già quay ra gọi to xuống nhà dưới : Vãi Tà đầu, lên mời tiểu-thư xuống, chỉ lối cho cô rửa chân nhà.

— Bạch cụ, vâng ạ.

Một bà lão già chạy lên trông thấy Liên-Tường vội nói :

— Cô theo tôi xuống đây.

Sư già mừng ngay :

— Vãi không được hôn lão nhà. Đây là tiểu thư con quan Tổng-trấn Thanh-hoa trước, anh họ bản-tăng. Tiểu-thư về chơi đây ít lâu, vãi phải hầu-hạ cho tử-lẽ, kéo mang tiếng nhà chùa !

— Bạch cụ, vâng ạ.

Nói xong, vãi già đưa Liên-Tường xuống nhà.



Liên-Tường tiểu thư được nương-náu ở chùa Diên-Khánh cũng tạm yên thân, được coi như người trong nhà chùa thì không còn sợ ai làm phiền-phức. Nhưng trong tâm-trí nàng thật rối bời ; Phần thương cha già trong ngục-thất, thêm một ngày là thêm bao sự nhục-nhẫn đau khổ của cảnh lao tù đề trĩu lên trên cái thân già đã gần tới biên-thùy cõi chết. Phần thì thương mẹ già một nắng hai sương, nay phải giải-rầu

mưa gió không biết lạc lõng phương nào. Nghĩ thế nàng lại càng cảm giận kẻ già tâm chiếm đoạt không thành lại tàn-nhẫn mà gây ra cơ-sự nhương này. Vốn sinh-trưởng ở một gia-đình lễ-nghĩa, được nuôi trong mọi vẻ yêu đương và dạy-dỗ theo khuôn phép của Khổng giao và Phật giáo, nàng không bao giờ ngờ đến, phải, không bao giờ ngờ rằng ở đời lại có hạng người tàn-ác hơn thú dữ như vậy. Giá không gặp được bọn thuyềa chài hiền hậu, và nhờ được nhà chùa giấu lòng từ bí che-chở, thì nàng không còn đủ nghị-lực mà sống ở đời nữa, nàng đến thành điên dại mà tự hủy-hoại thân-thể đi rồi! Đời, trước mắt nàng, thật là bề khổ! Biết bao mưu mô quý-quyết, biết bao cam bẫy hung-tàn của loài người bày ra để hại loại người. Như thế thì đời còn chi là tươi, đẹp! Còn chi là vui sống! Nhưng may đời này còn được như một cái chợ bầy hàng. Thôi thì đủ thứ mặt hàng: hàng tốt có, hàng xấu có, nó đối trọi nhau, cho người xem càng dễ nhận rõ thực-giá của mỗi thứ. Với cái óc non-nớt, Liên-Tường đem so-sánh vậy, rồi nàng tin ngay ở những sự ngay thẳng công-minh của nhiều người, cũng như những lòng tử-tế thương người của nhà chùa và dân chài mà nàng đã nhận rõ, nàng lại quyết chí thực hành cái ý nghĩ đầu-tiên khi ở nhà ra đi: theo gương nàng Đề-Oanh đời Hán làm sớ dâng lên Hoàng-đế, khiến oan cho cha già. Lòng hăng hái lại trở lại, sức tự tin mình và tin người thêm dồi dào, nàng trấn-tĩnh vui vẻ thảo một tờ sớ rằng:

« Con gái tội-nhân Phan công Độ là Phan thị Liên Tường rất ran rất sợ, rập đầu cúi đầu, trăm lạy dâng sớ lên:

« Hoàng-đế Bệ-hạ,

« Thánh thần văn võ, thống minh nhân trí, đức lớn sánh với Cao, Dày, lòng nhân thấm cùng cày cỏ...

« Lạy mong

« Hoàng-đế Bệ-hạ,

« Đem lòng thương lễ - độ muốn

loài mình xét nỗi oan-nong của cha tội nữ.

« Cha tội nữ, Phan công Độ, từ khi mộng ân Liên-triều Hoàng-đế đặc tứ hồi hưu, cùng Nhân-hưng đại vương ủy-lạo tiểu-tống, vẫn một niềm vui thú tuổi già ở nơi thôn dã, không màng đến việc ngoài, trong lòng lúc nào cũng tưởng đến nơi để-khuyết, không hề có manh tâm ý khác. Sớm hôm chỉ biết tụng kinh niệm Phật cho qua tháng ngày. Thế mà nay bỗng dưng bị ghép vào đại-tội, mưa phần Triều-đình, thân già thật không còn biết đem đầu kê đầu cho được.

« Nay tội-nữ ngu-hèn trộm tìm ra nguyên ủy rất ran rất sợ đem lạy dâng Thánh xét:

« Nguyên do trước con quan Đốc-đốc để-kinh là Nguyễn-Bái có thân hành về tận bản-quán cầu hôn với tội-nữ. Cha tội-nữ thấy con còn trẻ dại, nên có khát đợi một ít lâu. Không ngờ mấy hôm sau Nguyễn - Bái lại đem quan thuyềa đang đem đến tận nhà cướp tội nữ bỏ bao đem về. Chẳng may đến giữa đường gặp bọn cướp sống đánh phá, bao cói bị rơi xuống sông, tội nữ được thoát nạn. Vết xây ra như vậy, Nguyễn Bái cho là tự cha tội-nữ chủ-tâm trái ý hẳn đến cùng, nên hẳn căm tức, nhân gặp lúc Kinh-bắc có phiến-loạn, liền xui quan Đốc-đốc vu-lầu lên Hoàng đế Bệ-hạ cho cha tội-nữ mang tội với Triều-Đình.

« Tội-nữ thân yếu tuổi thơ, thương cha già vô tội mắc oan, vội theo gương Đề Oanh đời Hán, ran sợ đem sớ đến cửa khuyết dâng lên

« Hoàng đế Bệ-hạ,

« Mong thánh ý chí-công, xét đến ân-linh, cho tội-nữ được thay tội cha già, bao nhiêu hình phạt của Triều-đình, tội-nữ xin cam lòng chịu gánh để cha tội nữ được làm tên dân thường áo vải, đem tuổi già tắm gội ơn Giời Bề của Cửu tràng.

« Tội-nữ Phan Liên Tường trăm lạy dâng sớ.

« Hoàng hiệu Thống nguyên thứ sáu, tháng tám, ngày...

Viết xong tờ sớ, Liên-Tường niêm-phong lại cẩn thận, rồi giắt vào bọc, đi ra, mong đem dâng lên

được đến Hoàng-đế hay Mạc-vương. Nhưng đã bốn, năm lần, nàng đi vào các bộ trong miếu đường đều bị họn lính canh và thuộc hạ chế nhại chòng ghẹo, tuy cái áo nâu sồng của nhà chùa đã che chở và bênh vực nàng nhiều lắm.

Chán-nản, thất vọng, không còn tin ở việc mình nữa, nàng về chùa ủ-dột hẳn người và không thiết ăn uống gì cả. Sư già biết ý, liền tìm lời khuyên-giải:

— Bần-tăng biết con mấy hôm nay bần khoăn đi tìm nơi dâng sớ, rồi con phải thất vọng vì không chỗ nào ân-cần đón-tiếp con. Con buồn khổ. Nhưng con còn trẻ dại lắm, lòng con nhiệt thành, song ý nghĩ của con nông cạn! Việc đời có phải thẳng-bằng như mình nghĩ cả đâu. Con nên kiên-tâm vững chí ở đây, rồi thế nào cũng có ngày được việc. Chùa này đông các quan trong triều đến lễ, đợi hai, ba tuần, bần-lăng xem vị nào quyền thế và chân thành kính đạo, bần-tăng sẽ đạo-đặt cho, lo gì. Con cứ vui vẻ mà đợi. Lo buồn quá nó hại đến thân.

Còn nữa

CÁC SÁCH NÊN ĐỌC

Tiếng Việt - Nam có mẹo mực, rất tinh tường, ai muốn biết rõ, thì xem sách: VIỆT-NAM VĂN - PHẠM của ông Trần-trọng-Kim (1).

Muốn biết rõ cách thờ cúng chư Phật và chư Bồ-tát, cùng cách bày đặt các tượng ở các chùa xứ Bắc - kỳ, nên đọc quyển PHẬT - LỤC của ông Trần-trọng-Kim. Giá 0p 80.

de Hanoi à la Courtine (Septembre 1939 — Juin 1940)

của Phạm-duy-Khiêm Giá 1p.50
Bán ở nhà in « Du Nord »
133 phố Hàng-bóng Hanoi và các nhà bán sách.

1) Bản dịch ra chữ Pháp 3p.50 —
Bản quốc âm 2p.50.

Trở lại vấn-đề phê-bình văn-học

Tiếp theo trang 4

Ông lại phê-bình về lối vẽ bản đồ ngày xưa rằng : « Lối vẽ bản đồ của ta rất là uộm-thuộm cầu-thả, không thể coi bản đồ mà biết rõ được như chính mình đã đi tới tận nơi... » (Tế cấp bát điều).

Ấy là mới kể sơ một vài điều như thế, ta cũng đủ rõ ông Nguyễn Trường-Tập có trí phê-bình quán-xuyến, đúng-chắc là đường

tiếc rằng, lớp trước, những bộ óc sáng-suốt như vậy rất hiếm, rất ít ; còn phần đông đều mê-say trong giấc mộng từ-chương, lò-mò già-giã trên đường khoa cử, đã khéo lót miệng bằng câu « minh-triết bảo thân », để khỏi sa vào cái hố « xử sĩ hoạn nghị », lại hiểu lầm câu « thuật nhi bất tác » là

cứ phải nhắm mắt thuật theo, chứ không nên sáng-tác một ý kiến gì, một tư tưởng gì ; nào có biết « bất tác » có nghĩa như « vô vi », chỉ phóng-nhậm theo tự nhiên, chứ không tác vì kiêu-sức gì cả. Bởi thế, văn học giới ta mới « ăn » phải cái ác quả là chỉ biết nô-lệ thành-kiến, nô-lệ tiên-nho, nô-lệ tục-học, không mở được con đường phê-bình sáng sủa, tỏa ánh sáng chân lý để chiếu rọi cho người sau !

HOA-BĂNG

Việt-Nam được-học

Của ông Phó-đức-Thành trong bộ biên tập hội Y-học Trung-kỳ soạn

Ông Phó-đức-Thành, quản lý vĩnh viễn hội Y-Học Trung-kỳ, là một nhà chuyên khảo-cứu về thuốc Nam đã mấy chục năm nay, có lẽ đồng bào ta không mấy người là không biết tiếng.

Nay ông đem những sự kinh nghiệm viết ra bộ

Việt-Nam được-học

này thật là một sự ích lợi cho quốc-dân ta không phải là nhỏ vậy, nhất là lúc đương khan thuốc như lúc này.

Sách soạn theo phương pháp thực hành để phòng khi cấp cứu ai coi đó cũng có thể chữa được. Và lại những cây mà ông nghiên-cứu toàn là những cây mà ta thường thấy giống ở chung quanh mình ta cả.

Thật là một bộ sách cần thiết cho :

mọi người và mọi gia-đình

Việt-Nam được-học

In làm 12 cuốn dày trên dưới 2.000 trang.

Mỗi tháng sẽ in ra một cuốn làm hai loại :

Loại giấy thường bán từ 0p.60 đến 1p.00

Loại đặc biệt thuần Dó bán từ 2p.00 đến 5p.00 tùy theo dày mỏng.

Cuốn thứ nhất (in lại lần thứ hai có sửa chữa và thêm nhiều điều thực nghiệm của độc giả) đến trung tuần tháng Décembre 1941 sẽ có bán, rồi cứ 40 ngày lại có cuốn sau. Khi bộ :

Việt-Nam được-học

in xong cả 12 cuốn sẽ đóng làm 4 tập và sẽ bán :

Loại giấy thường từ 10p.00 trở lên.

Loại đặc biệt thuần Dó từ 30p.00 trở lên.

Mua trả tiền trước rất rẻ

Những ngài nào mua toàn bộ trả tiền trước trong tháng Décembre 1941 thì phải trả có :

Bản giấy thường 6p.00 } và không phải

Bản thuần Dó 10p.00 } chịu cước gửi

Ngài nào mua toàn bộ trả tiền trước trong tháng Janvier 1942 thì phải trả có

Bản giấy thường 7p.00 } và cũng không

Bản thuần Dó 12p.00 } phải chịu cước gửi

Ngài nào mua toàn bộ trả tiền trước trong tháng Février 1942 thì phải trả có :

Bản giấy thường 7p.00 } nhưng phải chịu cước

Bản thuần Dó 12p.00 } gửi mỗi cuốn 0p.16 tức

là phải thêm 1p.92 nữa

Như vậy ngài nào mua toàn bộ trả tiền trước ngày 31 Janvier 1942 được.

lợi hẳn 1p.92 tiền cước và 5p.00 sách tức là lợi hơn 6p.00

về loại giấy thường 15p.00 về bản đặc-biệt thuần Dó

Ngài nào muốn mua thử một cuốn xin gửi .

Bản giấy thường 0p.80

Bản thuần Dó 2p.00 } cả cước gửi

Mua một bộ sách như bộ :

Việt-Nam được-học

để trong nhà, không những là các ngài đã nuôi được một ông lang giỏi mà thôi, nhưng chính là các ngài khuyến khích một người Việt-Nam đầu tiên đã chịu hy sinh quá nửa đời người để nghiên cứu về thuốc Nam vậy.

Thư và mandat mua sách xin gửi về cho :

Nhà in MAI-LINH Hanoi

Là nhà đã nhận xuất-bản các sách thuốc của hội Y-Học Trung-kỳ

Ồ - tồ, nhà lầu,
vợ đẹp, con khôn,
tiền của nhiều...

Đó là cái mộng tưởng
của hầu khắp mọi người.

Muốn có cơ để đạt cái mộng
tưởng ấy, chỉ có một cách

mua vé số

ĐÔNG-PHÁP

1\$00 một vé

Nhà thuốc tường đồ

ĐỨC - PHONG

45, Phố Phúc-kiến Hanoi

Bán buôn đủ thuốc bắc, thuốc nam, thuốc sống, bào chế, các thứ sâm, được tín nhiệm xưa nay về 3 đặc điểm: Thuốc tốt, cân đùng, giá phải chăng.

MỚI PHÁT HÀNH 4 MÓN

Thuốc kinh nghiệm rất quý

1) Thuốc bổ thận Đức-phong giá 1p.50

Chữa các chứng thận hư: di tinh, mộng tinh khí hư

2) Thuốc điều kinh bổ huyết Đức-phong giá 1p.20

Kinh nguyệt thấy đều, tăng sức khỏe cho các bà, các cô.

3) Thuốc bổ tỳ tiêu cam Đức-phong giá 1p.00

Chữa chứng cam run, thuốc bổ của trẻ em

4) Thuốc đại bổ Đức-phong giá 1p.50

Bổ khí huyết, dưỡng thai, thuốc bổ của nam phụ lão ấu.

CÓ ĐẠI LÝ CÁC NƠI: Hiệu thuốc Đức-tiến. 200 Route de Huế Hanoi, Hiệu thuốc Đức-Mỹ 52 bis Bạch-mai Hanoi, hiệu Đức-Hưng-Tường 437 Ngã-tứ Trung-hiền Hanoi, hiệu Mai-Linh 60, 62 Paul Doumer Haiphong, hiệu Mai-Linh 120 Georges Guynemer Saigon, hiệu Đậu-hiền 81 rue Harmand Hưng-Yên, hiệu Đức-thịnh 126 phố Tiền-An Bắc-ninh, nhà Anh-Mỹ 16 phố Hàng Da Hanoi, Tự-Toàn 144 rue Duvilliers Hanoi, Vũ-văn-Kích Avenue Aristide-Briand Boite postales N° 62 PhnomPenh.

THOẢI-NHIỆT-TÂN HỒNG-KHÊ

Cảm, sốt, nhức đầu, đau sưng đau mình, trẻ con người lớn chỉ uống một gói Thoải-Nhiệt-Tân hiệu Phật 12 tay giá 0p.10, 5 phút ra mồ hôi khỏi hẳn.

THUỐC KHÍ HƯ

Các bà bị bệnh ra khí hư (sích bệch đới hạ) uống đủ các thứ thuốc không khỏi, chỉ dùng một hộp thuốc khí hư Hồng-Khê số 60 giá 1p.00 uống trong và một hộp thuốc Ninh-Khôn Hoàn Hồng-Khê giá 1p.50 đổ vào cửa mình là khỏi rút. Trăm người chữa theo cách này khỏi cả trăm.

ĐIỀU KINH DƯỠNG HUYẾT

Các bà các cô kinh không đều máu sấu uống thuốc Điều kinh dưỡng huyết Hồng-Khê (0p.50 một hộp) kinh đều huyết tốt ngay.

THUỐC «CAI HỒNG-KHÊ»

Không chộn lẫn chất thuốc phiện (nhà đoan đã phân chất), nên ai ai cũng có thể bỏ hẳn được mỗi ngày hút một đồng bạc thuốc phiện, chỉ uống hết 0p.20 thuốc cai là đủ vẫn đi làm việc như thường, thuốc viên 0p.50 một hộp, thuốc nước 1p.00 một chai.

THUỐC PHONG TÌNH HỒNG-KHÊ

Giấy thép bọc ngang giới. Thuốc Hồng-Khê chữa người lẳng lơ! Hai câu sấm này, ngày nay quả thấy ứng nghiệm, vì ai bị lẳng lơ không cứ mới hay kinh-niên uống thuốc lậu Hồng-Khê số 30, mỗi hộp 0p.60 cũng rút nọc, ai bị bệnh giang mai không cứ về thời kỳ thứ mấy, mới hay đã nhập cốt rồi, uống thuốc giang mai số 14 cũng khỏi rút nọc một cách êm đềm không hại sinh dục, nên khắp nơi đâu đâu cũng biết tiếng.

NHÀ THUỐC HỒNG-KHÊ

Tổng cục: 75 Phố Hàng Bồ. Chi nhánh 88 Phố Huế Hanoi và đại-lý các nơi.
Có biểu sách GIA-ĐÌNH Y-DƯỢC và HOA-NGUYỆT CẨM-NANG để phòng thân và trị bệnh.